

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ Y TẾ

Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

DANH MỤC KỸ THUẬT VÀ PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Ban hành kèm Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh)

(Tiếp theo Công báo số 59 + 60)

X. NGOẠI KHOA

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. THẦN KINH - SỌ NÃO				
	1. Sọ não				
1	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	X	X		
2	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	X	X		
3	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)	X	X		
4	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương	X	X		
5	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	X	X		
6	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng dưới lều tiểu não (hố sau)	X	X		
7	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	X	X		
8	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	X	X		
9	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	X	X		
10	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	X	X		
11	Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất	X	X		
12	Phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	X	X		
13	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán	X	X		
14	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang tĩnh mạch sọ	X	X		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
15	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)	x	x		
16	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài trong chấn thương sọ não (CTSN)	x	x		
17	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não	x	x		
18	Phẫu thuật đặt catheter vào não thất đo áp lực nội sọ	x	x		
19	Phẫu thuật đặt catheter vào nhu mô đo áp lực nội sọ	x	x		
20	Phẫu thuật đặt catheter vào ống sống thất lưng đo áp lực dịch não tủy	x	x		
21	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tủy ở vòm sọ sau CTSN	x	x		
22	Phẫu thuật vá đường dò dịch não tủy nền sọ sau CTSN	x			
23	Phẫu thuật lấy máu tụ quanh ổ mắt sau CTSN	x			
24	Phẫu thuật giải chèn ép thần kinh thị giác do vỡ ống thị giác	x			
	2. Phẫu thuật nhiễm trùng				
25	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, bán cầu đại não	x	x		
26	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, tiểu não	x	x		
27	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, đại não, bằng đường mở nắp sọ	x	x		
28	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, tiểu não, bằng đường mở nắp sọ	x			
29	Phẫu thuật viêm xương sọ	x	x		
30	Phẫu thuật áp xe não bằng đường qua xương đá	x			
31	Phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ	x			
32	Phẫu thuật nhiễm khuẩn vết mổ	x	x		
33	Phẫu thuật tụ mủ dưới màng cứng	x	x		
34	Phẫu thuật tụ mủ ngoài màng cứng	x	x		
35	Phẫu thuật áp xe ngoài màng tủy	x	x		
36	Phẫu thuật áp xe dưới màng tủy	x	x		
37	Phẫu thuật điều trị viêm xương đốt sống	x	x		
38	Phẫu thuật xử lý nhiễm khuẩn vết mổ	x	x		
39	Phẫu thuật làm sạch viêm ngoài màng tủy và/hoặc viêm đĩa đệm không tái tạo đốt sống, bằng đường vào trực tiếp	x	x		
40	Phẫu thuật làm sạch viêm ngoài màng tủy và/hoặc viêm đĩa đệm có tái tạo đốt sống bằng mảnh ghép và/hoặc cố định nẹp vít, bằng đường trực tiếp	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	3. Tủy sống				
41	Phẫu thuật lấy bỏ u mỡ (lipoma) ở vùng đuôi ngựa + đóng thoát vị màng tủy hoặc thoát vị tủy - màng tủy, bằng đường vào phía sau	x			
42	Phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị màng tủy, bằng đường vào phía sau	x			
43	Phẫu thuật đóng dị tật nứt đốt sống (spina bifida) kèm theo thoát vị tủy - màng tủy, bằng đường vào phía sau	x			
44	Giải phóng dị tật tủy sống chẻ đôi, bằng đường vào phía sau	x			
45	Phẫu thuật cắt bỏ đường dò dưới da - dưới màng tủy	x	x		
46	Phẫu thuật lấy bỏ nang màng tủy (meningeal cysts) trong ống sống bằng đường vào phía sau	x	x		
47	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc một thoát vị màng tủy sau mô tủy sống	x			
48	Phẫu thuật u dưới trong màng tủy, ngoài tủy, bằng đường vào phía sau hoặc sau - ngoài	x	x		
49	Phẫu thuật u dưới màng tủy, ngoài tủy kèm theo tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía trước hoặc trước ngoài	x			
50	Phẫu thuật u ngoài màng cứng tủy sống - rễ thần kinh, bằng đường vào phía sau	x	x		
51	Phẫu thuật u rễ thần kinh ngoài màng tủy kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau	x	x		
52	Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, không tái tạo đốt sống, bằng đường vào phía sau hoặc sau - ngoài	x	x		
53	Phẫu thuật u trong và ngoài ống sống, kèm tái tạo đốt sống, bằng đường vào trước hoặc trước - ngoài	x	x		
54	Phẫu thuật mở cung sau đốt sống đơn thuần kết hợp với tạo hình màng cứng tủy	x	x		
55	Cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tủy	x			
56	Phẫu thuật cố định cột sống, lấy u có ghép xương hoặc lồng titan	x			
	4. Dịch não tủy				
57	Chọc dịch não tủy thất lưng (thủ thuật)	x	x		
58	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ổ bụng trong dẫn não thất	x	x		
59	Phẫu thuật dẫn lưu não thất - tâm nhĩ trong dẫn não thất	x			

Ngọai khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
60	Phẫu thuật dẫn lưu dịch não tủy thất lưng - ổ bụng	x	x		
61	Phẫu thuật dẫn lưu nang dưới nhện nội sọ - ổ bụng	x	x		
62	Phẫu thuật dẫn lưu nang dưới nhện nội sọ - tâm nhĩ	x			
63	Phẫu thuật mở thông não thất, mở thông nang dưới nhện qua mở nắp sọ	x	x		
64	Phẫu thuật lấy bỏ dẫn lưu não thất (ổ bụng, tâm nhĩ) hoặc dẫn lưu nang dịch não tủy (ổ bụng, não thất)	x	x		
65	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não ở tầng trước nền sọ qua đường mở nắp sọ	x			
66	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang bướm	x			
67	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy hoặc thoát vị màng não tầng trước nền sọ bằng đường qua xoang sàng	x			
68	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy qua xoang trán	x	x		
69	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ qua mở nắp sọ	x			
70	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy tầng giữa nền sọ bằng đường vào trên xương đá	x			
71	Phẫu thuật đóng đường dò dịch não tủy sau mổ các thương tổn nền sọ	x			
	5. Sinh thiết	x			
72	Phẫu thuật mở nắp sọ sinh thiết tổn thương nội sọ	x			
73	Phẫu thuật sinh thiết tổn thương nội sọ có định vị dẫn đường	x			
74	Phẫu thuật sinh thiết tổn thương ở nền sọ qua đường miệng hoặc mũi	x			
	6. Dị tật sọ mặt				
75	Phẫu thuật tạo hình hộp sọ trong hẹp hộp sọ	x			
76	Phẫu thuật dị dạng cổ chẩm	x	x		
	7. Thoát vị não, màng não				
77	Phẫu thuật thoát vị não màng não vòm sọ	x	x		
78	Phẫu thuật thoát vị não màng não nền sọ	x			
79	Phẫu thuật thoát vị tủy - màng tủy	x	x		
	8. Mạch máu				
80	Phẫu thuật kẹp cổ túi phình mạch não phân trước đa giác Willis	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
81	Phẫu thuật kẹp cổ túi phình mạch não phần sau đa giác Willis	x			
82	Phẫu thuật dị dạng động - tĩnh mạch não	x	x		
83	Phẫu thuật u máu thể hang (cavernoma) đại não	x	x		
84	Phẫu thuật u máu thể hang tiểu não	x	x		
85	Phẫu thuật u máu thể hang thân não	x			
86	Phẫu thuật nối động mạch trong - ngoài sọ	x			
87	Phẫu thuật dị dạng động - tĩnh mạch màng cứng (fistula durale)	x			
	9. Khối choán chỗ trong, ngoài não				
88	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán một bên	x	x		
89	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng mở nắp sọ trán 2 bên	x	x		
90	Phẫu thuật u tầng trước nền sọ bằng đường mở nắp sọ trán và đường qua xoang sàng	x			
91	Phẫu thuật u vùng giao thoa thị giác và/hoặc vùng dưới đồi bằng đường mở nắp sọ	x			
92	Phẫu thuật u vùng tầng giữa nền sọ bằng mở nắp sọ	x	x		
93	Phẫu thuật u 1/3 trong cánh nhỏ xương bướm bằng đường mở nắp sọ	x			
94	Phẫu thuật u đỉnh xương đá bằng đường qua xương đá	x			
95	Phẫu thuật u vùng rãnh trượt (petroclivan) bằng đường qua xương đá	x			
96	Phẫu thuật u rãnh trượt, bằng đường mở nắp sọ	x			
97	Phẫu thuật u vùng rãnh trượt bằng đường qua miệng hoặc qua xương bướm	x			
98	Phẫu thuật u góc cầu tiểu não và/hoặc lỗ tai trong bằng đường sau mê nhĩ - trước xoang sigma	x			
99	Phẫu thuật u góc cầu tiểu não và/hoặc lỗ tai trong bằng đường dưới chẩm - sau xoang sigma	x			
100	Phẫu thuật u góc cầu tiểu não và/ hoặc lỗ tai trong kết hợp hai đường vào phẫu thuật	x			
101	Phẫu thuật u lỗ chẩm bằng đường mở nắp sọ	x			
102	Phẫu thuật u nội sọ, vòm đại não không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	x	x		
103	Phẫu thuật u nội sọ, vòm đại não, xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	x			

Ngọai khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
104	Phẫu thuật u hố sau không xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	x	x		
105	Phẫu thuật u hố sau xâm lấn xoang tĩnh mạch, bằng đường mở nắp sọ	x			
106	Phẫu thuật u liềm não, bằng đường mở nắp sọ	x			
107	Phẫu thuật u lều tiểu não, bằng đường vào dưới lều tiểu não	x			
108	Phẫu thuật u bờ tự do lều tiểu não, bằng đường vào trên lều tiểu não (bao gồm cả u tuyến tùng)	x			
109	Phẫu thuật u não thất bên bằng đường mở nắp sọ	x			
110	Phẫu thuật u não thất ba bằng đường mở nắp sọ	x			
111	Phẫu thuật u não thất tư bằng đường mở nắp sọ	x			
112	Phẫu thuật u tuyến yên bằng đường mở nắp sọ	x			
113	Phẫu thuật u tuyến yên bằng đường qua xoang bướm	x			
114	Phẫu thuật u sọ hầu bằng đường mở nắp sọ	x			
115	Phẫu thuật u sọ hầu bằng đường qua xoang bướm	x			
116	Phẫu thuật u nguyên sống (chordoma) xương bướm bằng đường qua xoang bướm	x			
	10. Nhu mô, đại não				
117	Phẫu thuật lấy bỏ vùng gây động kinh, bằng đường mở nắp sọ	x			
118	Phẫu thuật u thể trai, vách trong suốt bằng đường mở nắp sọ	x			
119	Phẫu thuật u đại não bằng đường mở nắp sọ	x			
	11. Nhu mô, tiểu não				
120	Phẫu thuật u trong nhu mô tiểu não, bằng đường mở nắp sọ	x	x		
121	Phẫu thuật u thân não, bằng đường mở nắp sọ	x			
	12. U ngoài sọ				
122	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ	x	x		
123	Phẫu thuật u thần kinh sọ đoạn dưới nền sọ	x	x		
124	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương - màng cứng sọ	x	x		
125	Phẫu thuật dị dạng mạch máu ngoài sọ	x	x		
	13. Thần kinh chức năng				
126	Phẫu thuật đặt điện cực sâu điều trị bệnh Parkinson	x			
127	Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh tam thoa (dây V) trong đau nửa mặt, bằng đường mở nắp sọ	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
128	Phẫu thuật giải phóng chèn ép thần kinh mặt (dây VII) trong co giật nửa mặt (facial tics), bằng đường mở nắp sọ	x			
129	Phẫu thuật phong bế hạch thần kinh tam thoa (hạch Gasser) bằng nhiệt, qua da, dưới hướng dẫn huỳnh quang	x			
	14. Đặt điện cực, giảm đau				
130	Phẫu thuật điều trị giảm đau trong ung thư	x			
131	Phẫu thuật cắt hạch giao cảm trong điều trị bệnh ra mồ hôi tay bằng đường mở gai sau cột sống ngực	x			
132	Phẫu thuật đặt điện cực vỏ não, qua đường mở nắp sọ	x			
133	Phẫu thuật đặt điện cực tủy sống, qua da	x			
134	Phẫu thuật đặt điện cực tủy sống qua da, kèm theo bộ phát kích thích dưới da	x			
135	Phẫu thuật đặt điện cực tủy sống, bằng đường mở cung sau	x			
136	Phẫu thuật lấy bỏ điện cực vỏ não, bằng đường mở nắp sọ	x			
137	Lấy bỏ điện cực trong não bằng đường qua da	x			
138	Phẫu thuật lấy bỏ điện cực tủy sống bằng đường mở cung sau	x			
139	Lấy bỏ điện cực tủy sống, bằng đường qua da	x			
140	Phẫu thuật thay bộ phát kích thích điện cực thần kinh, đặt dưới da	x			
141	Phẫu thuật đặt dưới da bộ phát kích thích điện cực thần kinh	x			
142	Phẫu thuật đặt bộ phát kích thích điện cực tủy sống	x			
143	Phẫu thuật lấy bỏ bộ phát kích thích điện cực thần kinh	x			
	15. Hố mắt				
144	Phẫu thuật u xơ cơ ổ mắt	x			
145	Phẫu thuật u thần kinh hốc mắt	x			
146	Phẫu thuật u xương hốc mắt	x	x		
147	Phẫu thuật u đỉnh hốc mắt	x			
	16. Thần kinh ngoại biên				
148	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên	x	x		
149	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên	x	x		
150	Phẫu thuật nối thần kinh ngoại biên và ghép TK ngoại biên	x			
151	Phẫu thuật u thần kinh trên da	x	x	x	

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
	B. TIM MẠCH - LÒNG NGỰC				
	1. Cấp cứu chấn thương - vết thương ngực				
152	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	x	x	x	
153	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	x	x	x	
154	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu	x	x		
155	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	x	x	x	
156	Phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương	x	x		
157	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương khí quản cổ	x	x		
158	Phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực	x	x		
159	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	x	x	x	
160	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi - màng phổi	x	x	x	
161	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực - bụng qua đường ngực	x	x		
162	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực - bụng qua đường bụng	x	x	x	
163	Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động	x	x	x	
164	Cố định gãy xương sườn bằng băng dính to bản	x	x	x	x
165	Phẫu thuật điều trị vỡ eo động mạch chủ	x	x		
166	Phẫu thuật cấp cứu lồng ngực có dùng máy tim phổi nhân tạo	x	x		
	2. Cấp cứu chấn thương - vết thương mạch máu				
167	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi	x	x		
168	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch cảnh	x	x		
169	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch chậu	x	x		
170	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch dưới đòn	x	x		
171	Phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống	x	x	x	
172	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	x	x	x	x
173	Phẫu thuật điều trị chấn thương - vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em	x	x		
174	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương động - tĩnh mạch chủ, mạch tạng, mạch thận	x	x		
175	Phẫu thuật Hybrid trong cấp cứu mạch máu (phẫu thuật mạch + can thiệp mạch)	x	x		
	3. Bệnh tim bẩm sinh				
176	Kỹ thuật chạy máy tim phổi nhân tạo trong bệnh tim ở trẻ em	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
177	Phẫu thuật ghép van tim đồng loài	x			
178	Phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ nhỏ	x	x		
179	Phẫu thuật điều trị bệnh còn ống động mạch ở trẻ lớn và người lớn	x	x		
180	Phẫu thuật thắt hẹp động mạch phổi trong bệnh tim bẩm sinh có tăng áp lực động mạch phổi nặng	x	x		
181	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch phổi phổi trong bệnh tim bẩm sinh có hẹp đường ra thất phải	x	x		
182	Phẫu thuật nối tắt tĩnh mạch chủ - động mạch phổi điều trị bệnh tim bẩm sinh phức tạp	x	x		
183	Phẫu thuật Fontan	x	x		
184	Phẫu thuật đóng thông liên nhĩ	x	x		
185	Phẫu thuật vá thông liên thất	x	x		
186	Phẫu thuật sửa toàn bộ tứ chứng Fallot	x	x		
187	Phẫu thuật sửa toàn bộ kênh sàn nhĩ - thất bán phần	x	x		
188	Phẫu thuật sửa toàn bộ kênh sàn nhĩ - thất toàn bộ	x	x		
189	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh thất phải hai đường ra	x	x		
190	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh đảo ngược các mạch máu lớn	x	x		
191	Phẫu thuật sửa toàn bộ vỡ phình xoang Valsalva	x	x		
192	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh nhĩ 3 buồng	x	x		
193	Phẫu thuật điều trị hẹp đường ra thất phải đơn thuần (hẹp phễu thất phải, van động mạch phổi...)	x	x		
194	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh tĩnh mạch phổi đổ lạc chỗ bán phần	x	x		
195	Phẫu thuật sửa toàn bộ bệnh tĩnh mạch phổi đổ lạc chỗ hoàn toàn	x	x		
196	Phẫu thuật sửa van ba lá điều trị bệnh Ebstein	x	x		
197	Phẫu thuật thay van ba lá điều trị bệnh Ebstein	x	x		
198	Phẫu thuật đóng dò động mạch vành vào các buồng tim	x	x		
199	Phẫu thuật sửa toàn bộ ≥ 2 bệnh tim bẩm sinh phối hợp	x	x		
200	Phẫu thuật điều trị dò động - tĩnh mạch phổi	x	x		
201	Phẫu thuật điều trị teo, dị dạng quai động mạch chủ	x	x		
202	Phẫu thuật điều trị hẹp eo động mạch chủ ở trẻ nhỏ	x	x		
203	Phẫu thuật điều trị hẹp eo động mạch chủ ở trẻ lớn và người lớn	x	x		
204	Phẫu thuật lại sửa toàn bộ các bệnh tim bẩm sinh	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
205	Phẫu thuật bệnh tim bẩm sinh có dùng máy tim phổi nhân tạo	x	x		
206	Kỹ thuật chạy máy hỗ trợ tim phổi (ECMO) ở trẻ em	x	x		
207	Phẫu thuật mở hẹp van động mạch phổi bằng ngừng tuần hoàn tạm thời	x	x		
208	Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh tim bẩm sinh (phẫu thuật tim + can thiệp tim mạch)	x	x		
	4. Bệnh tim mắc phải				
209	Kỹ thuật chạy máy tim phổi nhân tạo ở người lớn	x	x		
210	Ghép tim	x			
211	Ghép phổi	x			
212	Ghép khối tim - phổi	x			
213	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành có dùng máy tim phổi nhân tạo	x	x		
214	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành không dùng máy tim phổi nhân tạo	x	x		
215	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ - động mạch vành kết hợp can thiệp khác trên tim (thay van, cắt khối phòng thất trái...)	x	x		
216	Phẫu thuật tách hẹp van hai lá tim kín lần đầu	x	x		
217	Phẫu thuật tách hẹp van hai lá tim kín lần hai	x			
218	Phẫu thuật tạo hình van hai lá bị hẹp do thấp	x	x		
219	Phẫu thuật tạo hình van hai lá ở bệnh van hai lá không do thấp	x	x		
220	Phẫu thuật thay van hai lá	x	x		
221	Phẫu thuật thay van động mạch chủ	x	x		
222	Phẫu thuật thay van động mạch chủ và động mạch chủ lên	x	x		
223	Phẫu thuật tạo hình van động mạch chủ	x	x		
224	Phẫu thuật thay hoặc tạo hình van hai lá kết hợp thay hoặc tạo hình van động mạch chủ	x	x		
225	Phẫu thuật tạo hình hoặc thay van ba lá đơn thuần	x	x		
226	Phẫu thuật tạo hình hoặc thay van ba lá kết hợp can thiệp khác trên tim (thay, tạo hình... các van tim khác)	x	x		
227	Phẫu thuật thay lại 1 van tim	x	x		
228	Phẫu thuật thay lại 2 van tim	x	x		
229	Phẫu thuật điều trị lóc động mạch chủ type A	x			
230	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ lên	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
231	Phẫu thuật thay động mạch chủ lên và quai động mạch chủ	x			
232	Phẫu thuật thay động mạch chủ lên, quai động mạch chủ và động mạch chủ xuống	x			
233	Phẫu thuật cắt u nhày nhĩ trái	x	x		
234	Phẫu thuật cắt u cơ tim	x	x		
235	Phẫu thuật cắt túi phồng thất trái	x	x		
236	Phẫu thuật cắt màng tim điều trị viêm màng ngoài tim co thắt	x	x		
237	Phẫu thuật điều trị viêm mũ màng tim	x	x		
238	Phẫu thuật dẫn lưu dịch khoang màng tim	x	x	x	
239	Phẫu thuật điều trị viêm xương ức sau mổ tim hở	x	x		
240	Phẫu thuật bệnh tim mắc phải có dùng máy tim phổi nhân tạo	x	x		
241	Kỹ thuật đặt bóng đối xung động mạch chủ	x	x		
242	Kỹ thuật chạy máy hỗ trợ tim phổi (ECMO) ở người lớn	x	x		
243	Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh tim mắc phải (phẫu thuật tim + can thiệp tim mạch)	x	x		
	5. Bệnh tim mạch máu				
244	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ ngực	x	x		
245	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ trên thận	x			
246	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ bụng dưới thận, động mạch chậu	x	x		
247	Phẫu thuật thay đoạn động mạch chủ bụng trên và dưới thận	x			
248	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ lên - động mạch lớn xuất phát từ quai động mạch chủ	x	x		
249	Phẫu thuật bắc cầu điều trị thiếu máu mạn tính chi	x	x		
250	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi cấp tính do huyết khối, mảnh sùi, dị vật	x	x	x	
251	Phẫu thuật điều trị tắc động mạch chi bán cấp tính	x	x		
252	Phẫu thuật bắc cầu động mạch chủ bụng - động mạch tạng	x	x		
253	Phẫu thuật điều trị phồng và giả phồng động mạch tạng	x	x		
254	Phẫu thuật điều trị hẹp khít động mạch cảnh do xơ vữa	x	x		
255	Phẫu thuật điều trị phồng động mạch cảnh	x	x		
256	Phẫu thuật điều trị thông động - tĩnh mạch cảnh	x			
257	Phẫu thuật bắc cầu các động mạch vùng cổ - nền cổ (cảnh - dưới đòn, cảnh - cảnh)	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
258	Phẫu thuật bắc cầu động mạch nách - động mạch đùi	x	x		
259	Phẫu thuật điều trị bệnh suy - giãn tĩnh mạch chi dưới	x	x		
260	Phẫu thuật tạo thông động - tĩnh mạch để chạy thận nhân tạo	x	x	x	
261	Phẫu thuật cắt đường thông động - tĩnh mạch chạy thận nhân tạo do biến chứng hoặc sau ghép thận	x	x		
262	Phẫu thuật điều trị phồng, giả phồng động mạch chi	x	x		
263	Phẫu thuật điều trị giả phồng động mạch do tiêm chích ma túy	x	x		
264	Phẫu thuật cắt u máu lớn (đường kính $\geq 10\text{cm}$)	x	x		
265	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính $< 10\text{cm}$)	x	x		
266	Phẫu thuật điều trị thông động - tĩnh mạch chi	x			
267	Phẫu thuật bắc cầu tĩnh mạch cửa - tĩnh mạch chủ dưới điều trị tăng áp lực tĩnh mạch cửa	x			
268	Phẫu thuật lại trong các bệnh lý mạch máu ngoại vi	x	x		
269	Phẫu thuật bệnh mạch máu có dùng máy tim phổi nhân tạo	x			
270	Phẫu thuật Hybrid điều trị bệnh mạch máu (phẫu thuật mạch + can thiệp mạch)	x	x		
	6. Lồng ngực				
271	Phẫu thuật cắt một phân thùy phổi, cắt phổi không điển hình do bệnh lý	x	x		
272	Phẫu thuật cắt một thùy phổi bệnh lý	x	x		
273	Phẫu thuật cắt một bên phổi bệnh lý	x			
274	Phẫu thuật cắt phổi do ung thư kèm nạo vét hạch	x	x		
275	Phẫu thuật cắt u trung thất	x	x		
276	Phẫu thuật cắt u trung thất lớn kèm bắc cầu phục hồi lưu thông hệ tĩnh mạch chủ trên	x			
277	Phẫu thuật cắt u nang phế quản	x	x		
278	Phẫu thuật cắt u thành ngực	x	x	x	
279	Phẫu thuật điều trị lồng ngực bẩm sinh	x	x		
280	Phẫu thuật điều trị lồng xương ức (ức gà)	x			
281	Phẫu thuật bóc màng phổi điều trị ổ cận, dày dính màng phổi	x	x		
282	Phẫu thuật điều trị hẹp khí quản cổ - ngực cao	x			
283	Phẫu thuật điều trị lỗ dò phế quản	x	x		
284	Phẫu thuật mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
285	Phẫu thuật cắt xương sườn do u xương sườn	x	x		
286	Phẫu thuật cắt xương sườn do viêm xương	x	x		
287	Phẫu thuật đánh xẹp ngực điều trị ổ cận màng phổi	x	x		
288	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	x	x	x	
289	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	x	x	x	
290	Phẫu thuật cắt - khâu kén khí phổi	x	x		
291	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi	x	x	x	
292	Phẫu thuật lấy dị vật phổi - màng phổi	x	x	x	
293	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mũ màng phổi	x	x	x	
294	Phẫu thuật điều trị bệnh lý phổi - trung thất ở trẻ em dưới 5 tuổi	x			
	C. TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
	1. Thận				
295	Ghép thận	x			
296	Ghép thận tự thân trong cấp cứu do chấn thương cuống thận	x			
297	Tán sỏi thận qua da bằng máy tán hơi + siêu âm/có C.Arm	x			
298	Tán sỏi thận qua da có C.Arm + siêu âm/Laser	x			
299	Lấy sỏi thận bệnh lý, thận móng ngựa, thận đa nang	x	x		
300	Bóc bạch mạch quanh thận, điều trị bệnh đái đường cấp	x	x		
301	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	x	x		
302	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x		
303	Cắt thận đơn thuần	x	x		
304	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	x	x		
305	Phẫu thuật treo thận	x	x		
306	Lấy sỏi san hô thận	x	x		
307	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	x	x		
308	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	x	x		
309	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	x	x		
310	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	x	x		
311	Tán sỏi ngoài cơ thể	x	x		
312	Chọc hút và bơm thuốc vào nang thận	x	x		
313	Dẫn lưu đài bể thận qua da	x	x		
314	Cắt eo thận móng ngựa	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
315	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	x	x		
316	Phẫu thuật hở lấy sỏi thận sỏi niệu quản + kết hợp nội soi mềm để lấy toàn bộ sỏi	x	x		
317	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	x	x		
318	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	x	x	x	
319	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	x	x	x	
320	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson - Hynes)	x	x		
321	Cắt u tuyến thượng thận (mổ mở)	x	x		
322	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch	x	x		
	2. Niệu quản				
323	Nối niệu quản - đài thận	x	x		
324	Cắt nối niệu quản	x	x		
325	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	x	x		
326	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	x	x		
327	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	x	x		
328	Đặt bộ phận giả niệu quản qua da	x	x		
329	Nong niệu quản	x	x		
330	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo	x	x		
331	Tạo hình niệu quản do phình to niệu quản	x	x		
332	Tạo hình niệu quản bằng đoạn ruột	x			
333	Cầm lại niệu quản - bàng quang	x	x		
334	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong	x	x		
335	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	x	x		
	3. Bàng quang				
336	Phẫu thuật mở rộng bàng quang bằng đoạn hồi tràng	x			
337	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey	x			
338	Phẫu thuật ghép cơ cổ bàng quang	x			
339	Phẫu thuật bàng quang lộ ngoài bằng nối bàng quang với trực tràng theo kiểu Duhamel	x			
340	Treo cổ bàng quang điều trị đái rỉ ở nữ	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
341	Mổ sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	x			
342	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	x	x		
343	Thông niệu quản ra da qua 1 đoạn ruột đơn thuần	x	x		
344	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trocar	x	x		
345	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	x	x		
346	Phẫu thuật rò bàng quang - âm đạo, bàng quang - tử cung, trực tràng	x	x		
347	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	x	x		
348	Cắm niệu quản bàng quang	x	x		
349	Cắt cổ bàng quang	x	x		
350	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	x	x		
351	Phẫu thuật đặt vòng nâng cổ bàng quang (Sling) trong tiểu không kiểm soát khi gắng sức	x	x		
352	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	x	x		
353	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	x	x	x	
354	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	x	x	x	
355	Lấy sỏi bàng quang	x	x	x	
356	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	x	x	x	
357	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	x	x	x	
358	Cắt bàng quang toàn bộ, nạo vét hạch và chuyển lưu dòng nước tiểu bằng ruột	x			
359	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	x	x	x	
360	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	x	x		
	4. Niệu đạo				
361	Phẫu thuật dò niệu đạo - trực tràng bẩm sinh	x			
362	Phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo bẩm sinh	x			
363	Phẫu thuật dò niệu đạo - âm đạo - trực tràng bẩm sinh	x			
364	Phẫu thuật sa niệu đạo nữ	x			
365	Phẫu thuật cắt dị tật hậu môn - trực tràng, làm lại niệu đạo	x			
366	Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến tiền liệt trong điều trị ung thư tuyến tiền liệt	x			
367	Cắt nối niệu đạo trước	x	x		
368	Cắt nối niệu đạo sau	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyển kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
369	Cấp cứu nổi niệu đạo do vỡ xương chậu	x	x		
370	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da	x	x		
371	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	x	x	x	
372	Phẫu thuật áp xe tuyến tiền liệt	x	x	x	
373	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	x	x		
374	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình thì 2	x	x		
375	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường sau xương mu	x	x		
376	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	x	x		
377	Tạo hình niệu đạo bằng vật da tự thân	x			
378	Dẫn lưu bàng quang, đặt Tuteur niệu đạo	x	x		
	5. Sinh dục				
379	Tạo hình miệng niệu đạo lệch thấp ở nữ giới	x			
380	Phẫu thuật đặt bộ phận giả (prosthesis) chữa liệt dương	x			
381	Phẫu thuật tạo ống thông động tĩnh mạch chữa liệt dương	x			
382	Phẫu thuật điều trị bệnh xuất tinh sớm	x			
383	Đặt ống Stent chữa bí đái do phì đại tiền liệt tuyến	x			
384	Tạo hình dương vật do lệch lạc phái tính do gien	x			
385	Đặt bộ phận giả chữa bí đái do phì đại tuyến tiền liệt	x			
386	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
387	Phẫu thuật tạo hình điều trị dị tật lộ bàng quang bẩm sinh	x	x		
388	Phẫu thuật tạo hình điều trị đa dị tật bàng quang âm đạo, niệu đạo, trực tràng	x	x		
389	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo lệch thấp 1 thì	x	x		
390	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo lệch thấp 2 thì	x	x		
391	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo mặt lưng dương vật	x	x		
392	Phẫu thuật điều trị són tiểu	x	x		
393	Điều trị đái rĩ ở nữ bàng đặt miếng nâng niệu đạo TOT	x	x		
394	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
395	Cắt tinh mạc	x	x		
396	Cắt mào tinh	x	x		
397	Cắt thừng Morgani xoắn	x	x		
398	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	x	x		
399	Điều trị tại chỗ phì đại tuyến tiền liệt: sức nóng hoặc lạnh	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
400	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	x	x		
401	Cắt dương vật không vết hạch, cắt một nửa dương vật	x	x		
402	Phẫu thuật vỡ vật hang do gãy dương vật	x	x		
403	Phẫu thuật chữa cương cứng dương vật	x	x		
404	Nối ống dẫn tinh sau phẫu thuật đình sản	x	x		
405	Nong niệu đạo	x	x	x	
406	Cắt bỏ tinh hoàn	x	x	x	
407	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	x	x	x	
408	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	x	x	x	
409	Phẫu thuật chữa xơ cứng dương vật (Peyronie)	x	x	x	
410	Cắt bỏ bao da quy đầu do dính hoặc dài	x	x	x	
411	Cắt hẹp bao quy đầu	x	x	x	x
412	Mở rộng lỗ sáo	x	x	x	x
413	Đặt tinh hoàn nhân tạo	x	x		
	D. TIÊU HÓA				
	1. Thực quản				
414	Mở ngực thăm dò	x	x	x	
415	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	x	x	x	
416	Mở thông dạ dày	x	x	x	
417	Đưa thực quản ra ngoài	x	x		
418	Dẫn lưu áp xe thực quản, trung thất	x	x		
419	Khâu lỗ thủng hoặc vết thương thực quản	x	x		
420	Lấy dị vật thực quản đường cổ	x			
421	Lấy dị vật thực quản đường ngực	x			
422	Lấy dị vật thực quản đường bụng	x			
423	Đóng rò thực quản	x			
424	Đóng lỗ rò thực quản - khí quản	x			
425	Cắt túi thừa thực quản cổ	x			
426	Cắt túi thừa thực quản ngực	x			
427	Lấy u cơ, xơ... thực quản đường ngực	x			
428	Lấy u cơ, xơ... thực quản đường cổ hoặc đường bụng	x			
429	Cắt đoạn thực quản, dẫn lưu hai đầu ra ngoài	x			
430	Cắt nối thực quản	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
431	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày không mở ngực	x			
432	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực, cổ	x			
433	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng dạ dày đường bụng, ngực	x			
434	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng không mở ngực	x			
435	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực, cổ	x			
436	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng đại tràng đường bụng, ngực	x			
437	Cắt thực quản, cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình thực quản bằng đoạn đại tràng hoặc ruột non	x			
438	Cắt thực quản, hạ họng, thanh quản	x			
439	Cắt thực quản, tạo hình thực quản bằng quai ruột (ruột non, đại tràng ví phễu)	x			
440	Tạo hình thực quản bằng dạ dày không cắt thực quản	x			
441	Tạo hình thực quản bằng đại tràng không cắt thực quản	x			
442	Phẫu thuật điều trị thực quản đôi	x			
443	Phẫu thuật điều trị teo thực quản	x			
444	Nạo vết hạch trung thất	x			
445	Nạo vết hạch cổ	x			
446	Phẫu thuật điều trị co thắt thực quản lan tỏa	x			
447	Phẫu thuật Heller	x			
448	Tạo van chống trào ngược dạ dày - thực quản	x			
449	Tạo hình tại chỗ sẹo hẹp thực quản đường cổ	x			
450	Các phẫu thuật thực quản khác	x	x		
	2. Dạ dày				
451	Mở bụng thăm dò	x	x	x	
452	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	x	x	x	
453	Nội vị tràng	x	x	x	
454	Cắt dạ dày hình chêm	x	x	x	
455	Cắt đoạn dạ dày	x	x		
456	Cắt đoạn dạ dày và mạc nối lớn	x	x		
457	Cắt toàn bộ dạ dày	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
458	Cắt lại dạ dày	x			
459	Nạo vết hạch D1	x	x		
460	Nạo vết hạch D2	x	x		
461	Nạo vết hạch D3	x			
462	Nạo vết hạch D4	x			
463	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	x	x	x	
464	Phẫu thuật Newmann	x	x	x	
465	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày	x	x		
466	Cắt thần kinh X toàn bộ	x	x		
467	Cắt thần kinh X chọn lọc	x	x		
468	Cắt thần kinh X siêu chọn lọc	x	x		
469	Mở cơ môn vị	x	x		
470	Tạo hình môn vị	x	x		
471	Mở dạ dày xử lý tổn thương	x	x		
472	Các phẫu thuật dạ dày khác	x	x		
	3. Tá tràng				
473	Cắt u tá tràng	x	x	x	
474	Cắt tá tràng bảo tồn đầu tụy	x			
475	Khâu túi thừa tá tràng	x	x		
476	Cắt túi thừa tá tràng	x	x		
477	Cắt bóng Vater và tạo hình ống mật chủ, ống Wirsung qua đường mở D2 tá tràng	x			
478	Cắt màng ngăn tá tràng	x	x	x	
	4. Ruột non - Mạc treo				
479	Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng	x	x	x	
480	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	x	x	x	
481	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	x	x	x	
482	Tháo xoắn ruột non	x	x	x	
483	Tháo lồng ruột non	x	x	x	
484	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	x	x	x	
485	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)	x	x	x	
486	Cắt ruột non hình chêm	x	x	x	
487	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
488	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	x	x	x	
489	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)	x	x		
490	Cắt nhiều đoạn ruột non	x	x	x	
491	Gỡ dính sau mổ lại	x	x	x	
492	Phẫu thuật điều trị apxe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	x	x	x	
493	Đóng mở thông ruột non	x	x	x	
494	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	x	x	x	
495	Nối tắt ruột non - ruột non	x	x	x	
496	Cắt mạc nối lớn	x	x	x	
497	Cắt bỏ u mạc nối lớn	x	x	x	
498	Cắt u mạc treo ruột	x	x	x	
499	Khâu vết thương tĩnh mạch mạc treo tràng trên	x			
500	Khâu vết thương động mạch mạc treo tràng trên	x			
501	Bắc cầu động mạch mạc treo tràng trên bằng đoạn tĩnh mạch hiển hoặc đoạn mạch nhân tạo	x			
502	Cắt đoạn động mạch mạc treo tràng trên, nối động mạch trực tiếp	x			
503	Cắt toàn bộ ruột non	x			
504	Ghép ruột non	x			
505	Các phẫu thuật tá tràng khác	x	x		
	5. Ruột thừa - Đại tràng				
506	Cắt ruột thừa đơn thuần	x	x	x	x
507	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	x	x	x	
508	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ apxe	x	x	x	
509	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	x	x	x	
510	Các phẫu thuật ruột thừa khác	x	x		
511	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	x	x	x	
512	Khâu lỗ thủng đại tràng	x	x		
513	Cắt túi thừa đại tràng	x	x		
514	Cắt đoạn đại tràng nối ngay	x	x		
515	Cắt đoạn đại tràng, đưa 2 đầu đại tràng ra ngoài	x	x		
516	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
517	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	x	x		
518	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay	x	x		
519	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài	x	x		
520	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	x			
521	Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non - trực tràng	x			
522	Cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn	x			
523	Cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	x			
524	Làm hậu môn nhân tạo	x	x	x	
	6. Trực tràng				
525	Làm hậu môn nhân tạo	x	x	x	
526	Lấy dị vật trực tràng	x	x	x	
527	Cắt đoạn trực tràng nối ngay	x	x		
528	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	x	x		
529	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại trực tràng thấp	x			
530	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại tràng - ống hậu môn	x			
531	Cắt đoạn trực tràng, cơ thắt trong bảo tồn cơ thắt ngoài đường tầng sinh môn	x			
532	Cắt cắt trực tràng đường bụng, tầng sinh môn	x			
533	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	x			
534	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng	x	x		
535	Phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng	x			
536	Phẫu thuật điều trị sa trực tràng qua đường hậu môn	x			
537	Cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	x	x		
538	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường bụng	x			
539	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường tầng sinh môn	x			
540	Đóng rò trực tràng - âm đạo	x			
541	Đóng rò trực tràng - bàng quang	x			
542	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng - niệu quản	x			
543	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng - niệu đạo	x			
544	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng - tầng sinh môn	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
545	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng - tiểu khung	x			
546	Các phẫu thuật trực tràng khác	x			
	7. Tầng sinh môn				
547	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	x			
548	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	x			
549	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)	x	x	x	
550	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	x	x	x	
551	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	x	x		
552	Phẫu thuật Longo	x	x		
553	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	x	x		
554	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	x	x		
555	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	x	x	x	
556	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	x	x		
557	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	x			
558	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	x			
559	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn cắt cơ thắt trên chỉ chờ	x			
560	Phẫu thuật điều trị bệnh Verneuil	x	x		
561	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3 giờ và 9 giờ)	x	x	x	
562	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong vị trí 6 giờ, tạo hình hậu môn	x			
563	Điều trị hẹp hậu môn bằng cắt vòng xơ, tạo hình hậu môn	x			
564	Phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle	x	x		
565	Phẫu thuật cắt da thừa cạnh hậu môn	x	x	x	
566	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	x	x	x	
567	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	x	x	x	
568	Phẫu thuật điều trị táo bón do rối loạn co thắt cơ mu - trực tràng (Anismus)	x	x		
569	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	x	x	x	
570	Phẫu thuật điều trị đại tiện mất tự chủ	x	x		
571	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	x	x		
572	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp	x	x		
573	Các phẫu thuật hậu môn khác	x	x	x	

Ngọại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	Đ. GAN - MẬT - TỤY				
	1. Gan				
574	Thăm dò, sinh thiết gan	x	x	x	
575	Cắt gan toàn bộ	x			
576	Cắt gan phải	x			
577	Cắt gan trái	x			
578	Cắt gan phân thùy sau	x	x		
579	Cắt gan phân thùy trước	x			
580	Cắt thùy gan trái	x	x		
581	Cắt hạ phân thùy 1	x	x		
582	Cắt hạ phân thùy 2	x	x		
583	Cắt hạ phân thùy 3	x	x		
584	Cắt hạ phân thùy 4	x	x		
585	Cắt hạ phân thùy 5	x	x		
586	Cắt hạ phân thùy 6	x	x		
587	Cắt hạ phân thùy 7	x	x		
588	Cắt hạ phân thùy 8	x	x		
589	Cắt hạ phân thùy 9	x	x		
590	Cắt gan phải mở rộng	x			
591	Cắt gan trái mở rộng	x			
592	Cắt gan trung tâm	x			
593	Cắt gan nhỏ	x	x		
594	Cắt gan lớn	x	x		
595	Cắt nhiều hạ phân thùy	x			
596	Cắt gan hình chêm, nối gan ruột	x	x		
597	Cắt gan có sử dụng kỹ thuật cao (CUSA, dao siêu âm, sóng cao tần...)	x			
598	Các phẫu thuật cắt gan khác	x	x		
599	Tạo hình tĩnh mạch gan - chủ dưới	x			
600	Cắt đoạn tĩnh mạch cửa, nối trực tiếp	x			
601	Cắt đoạn tĩnh mạch cửa, ghép tự thân	x			
602	Cắt đoạn tĩnh mạch cửa, nối bằng mạch nhân tạo	x			
603	Lấy huyết khối tĩnh mạch cửa	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
604	Các loại phẫu thuật phân lưu cửa chủ	x			
605	Thắt động mạch gan (riêng, phải, trái)	x	x	x	
606	Lấy bỏ u gan	x	x		
607	Cắt lọc nhu mô gan	x	x		
608	Cầm máu nhu mô gan	x	x	x	
609	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	x	x	x	
610	Lấy máu tụ bao gan	x	x		
611	Cắt chỏm nang gan	x	x	x	
612	Ghép gan toàn bộ	x			
613	Ghép gan bán phần	x			
614	Ghép gan phụ trợ	x			
615	Lấy hạch cuống gan	x	x		
616	Dẫn lưu áp xe gan	x	x		
617	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	x	x		
618	Thăm dò kết hợp với tiêm cồn hoặc đốt sóng cao tần hoặc áp lạnh	x	x		
619	Lấy đa tạng từ người chết não	x			
	2. Mật				
620	Mở thông túi mật	x	x	x	
621	Cắt túi mật	x	x	x	
622	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	x	x		
623	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	x	x		
624	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi đường mật	x	x		
625	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật	x	x		
626	Tán sỏi qua đường hầm Kehr hoặc qua da	x	x		
627	Mở ống mật chủ lấy sỏi có can thiệp đường mật	x			
628	Mở đường mật ngoài gan lấy sỏi trừ mở ống mật chủ	x			
629	Mở nhu mô gan lấy sỏi	x	x		
630	Mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột	x			
631	Các phẫu thuật lấy sỏi mật khác	x	x		
632	Nối mật ruột bên - bên	x	x		
633	Nối mật ruột tận - bên	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
634	Nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hồng tràng	x			
635	Cắt đường mật ngoài gan	x			
636	Cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái	x			
637	Cắt nang ống mật chủ	x	x		
638	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	x	x		
639	Các phẫu thuật đường mật khác	x	x		
	3. Tụy				
640	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	x	x	x	
641	Dẫn lưu nang tụy	x	x	x	
642	Nối nang tụy với tá tràng	x	x		
643	Nối nang tụy với dạ dày	x	x	x	
644	Nối nang tụy với hồng tràng	x	x	x	
645	Cắt bỏ nang tụy	x	x		
646	Lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)	x	x		
647	Lấy tổ chức ung thư tụy phát khu trú tại tụy	x	x		
648	Cắt khối tá tụy	x	x		
649	Cắt khối tá tụy bảo tồn môn vị	x			
650	Cắt khối tá tụy + tạo hình tĩnh mạch cửa tự thân	x			
651	Cắt khối tá tụy + tạo hình tĩnh mạch cửa bằng mạch nhân tạo	x			
652	Cắt khối tá tụy + tạo hình động mạch mạc treo tràng trên bằng đoạn mạch nhân tạo	x			
653	Cắt tụy trung tâm	x	x		
654	Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	x	x	x	
655	Cắt đuôi tụy bảo tồn lách	x	x		
656	Cắt toàn bộ tụy	x			
657	Cắt một phần tụy	x			
658	Các phẫu thuật cắt tụy khác	x			
659	Nối tụy ruột	x	x		
660	Nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y	x	x		
661	Nối diện cắt thân tụy với dạ dày	x	x		
662	Nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày - ruột non trên ba quai ruột biệt lập	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
663	Các phẫu thuật nối tụy ruột khác	x	x		
664	Phẫu thuật Mercadier điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x		
665	Phẫu thuật Patington - Rochelle điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x		
666	Phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x		
667	Phẫu thuật Frey - Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	x	x		
668	Phẫu thuật Puestow - Gillesby	x	x		
669	Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	x	x		
670	Các phẫu thuật điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn khác	x			
671	Ghép tụy	x			
672	Các phẫu thuật tụy khác	x	x		
673	Cắt lách do chấn thương	x	x	x	
674	Cắt lách bệnh lý	x	x		
675	Cắt lách bán phần	x	x		
676	Khâu vết thương lách	x	x	x	
677	Bảo tồn lách vỡ bằng lưới sinh học	x	x		
678	Các phẫu thuật lách khác	x	x		
	E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHÚC MẠC				
	1. Thành bụng - cơ hoành				
679	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	x	x	x	
680	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	x	x	x	
681	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	x	x	x	
682	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	x	x	x	
683	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	x	x		
684	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn 2 bên	x	x	x	
685	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	x	x	x	
686	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	x	x		
687	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x	
688	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	x	x	x	
689	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	x	x	x	
690	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	x	x	x	
691	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	x	x		
692	Phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
693	Phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)	x	x		
694	Phẫu thuật điều trị nhào cơ hoành	x	x		
695	Phẫu thuật cắt u cơ hoành	x	x		
696	Các phẫu thuật cơ hoành khác	x	x		
697	Phẫu thuật cắt u thành bụng	x	x	x	
698	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	x	x	x	
699	Khâu vết thương thành bụng	x	x	x	
700	Các phẫu thuật thành bụng khác	x	x		
	2. Phức mạc				
701	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	x	x		
702	Bóc phúc mạc douglas	x	x		
703	Lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	x	x		
704	Bóc phúc mạc bên trái	x	x		
705	Bóc phúc mạc bên phải	x	x		
706	Bóc phúc mạc phủ tạng	x	x		
707	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác	x	x		
708	Bóc phúc mạc kèm điều trị hóa chất trong phúc mạc trong mổ	x			
709	Bóc phúc mạc kèm điều trị hóa chất nhiệt độ cao trong phúc mạc trong mổ	x			
710	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác và điều trị hóa chất trong phúc mạc trong mổ	x			
711	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác và điều trị hóa chất nhiệt độ cao trong phúc mạc trong mổ	x			
712	Lấy u phúc mạc	x			
713	Lấy u sau phúc mạc	x	x		
	G. CHẤN THƯƠNG - CHỈNH HÌNH				
	1. Vùng vai - xương đòn				
714	Phẫu thuật thay khớp vai nhân tạo	x	x		
715	Phẫu thuật tạo hình bệnh xương bả vai lên cao	x			
716	Phẫu thuật tháo khớp vai	x	x		
717	Phẫu thuật kết hợp xương (KHX) gãy xương bả vai	x	x		
718	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương bả vai	x	x		
719	Phẫu thuật KHX gãy xương đòn	x	x	x	

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
720	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng đòn	x	x		
721	Phẫu thuật KHX khớp giả xương đòn	x	x		
722	Phẫu thuật KHX trật khớp ức đòn	x	x		
	2. Vùng cánh tay				
723	Phẫu thuật KHX gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	x			
724	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương cánh tay	x			
725	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay	x	x		
726	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	x	x		
727	Phẫu thuật KHX khớp giả xương cánh tay	x	x		
728	Phẫu thuật KHX phẫu thuật tạo hình điều trị cứng sau chấn thương	x	x		
729	Phẫu thuật KHX gãy thân xương cánh tay phức tạp	x	x		
730	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
731	Phẫu thuật KHX gãy liên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
732	Phẫu thuật KHX gãy rỗng rọc xương cánh tay	x	x		
733	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x		
	3. Vùng cẳng tay				
734	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu	x	x	x	
735	Phẫu thuật KHX gãy mỏm khuỷu phức tạp	x	x		
736	Phẫu thuật KHX gãy Monteggia	x	x		
737	Phẫu thuật KHX gãy đài quay	x	x		
738	Phẫu thuật KHX gãy đài quay phức tạp	x	x		
739	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng tay	x	x		
740	Phẫu thuật KHX gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	x	x		
741	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp khớp khuỷu	x	x		
742	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương	x	x		
743	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x		
744	Phẫu thuật KHX gãy trật khớp cổ tay	x			
	4. Vùng bàn tay				
745	Phẫu thuật KHX gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	x			
746	Phẫu thuật KHX gãy thân đốt bàn và ngón tay	x			
747	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	x			
748	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn - ngón tay	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
749	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	x	x		
750	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	x	x		
751	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	x	x		
752	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)	x			
	5. Vùng chậu				
753	Phẫu thuật KHX gãy cánh chậu	x	x		
754	Phẫu thuật KHX trật khớp cùng chậu	x			
755	Phẫu thuật KHX toác khớp mu (trật khớp)	x	x		
756	Phẫu thuật KHX gãy khung chậu - trật khớp mu	x	x		
757	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối đơn thuần	x	x		
758	Phẫu thuật KHX gãy ổ cối phức tạp	x			
	6. Vùng đùi				
759	Phẫu thuật KHX gãy bán phần chỏm xương đùi	x	x		
760	Phẫu thuật KHX gãy phức tạp chỏm xương đùi - trật háng	x			
761	Phẫu thuật KHX gãy cổ xương đùi	x	x		
762	Phẫu thuật KHX gãy cổ máu chuyển xương đùi	x	x		
763	Phẫu thuật KHX gãy liên máu chuyển xương đùi	x	x		
764	Phẫu thuật KHX gãy trật cổ xương đùi	x	x		
765	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi	x	x		
766	Phẫu thuật KHX gãy trên lồi cầu xương đùi	x	x		
767	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu ngoài xương đùi	x	x		
768	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu trong xương đùi	x	x		
769	Phẫu thuật KHX gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	x	x		
770	Phẫu thuật KHX gãy thân xương đùi phức tạp	x	x		
771	Phẫu thuật KHX gãy Hoffa đầu dưới xương đùi	x			
	7. Khớp gối				
772	Phẫu thuật KHX gãy bánh chè	x	x		
773	Phẫu thuật KHX gãy xương bánh chè phức tạp	x	x		
774	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	x			
	8. Vùng cẳng chân				
775	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày trong	x	x		
776	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày ngoài	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
777	Phẫu thuật KHX gãy hai mâm chày	x			
778	Phẫu thuật KHX gãy mâm chày + thân xương chày	x	x		
779	Phẫu thuật KHX gãy thân xương chày	x	x		
780	Phẫu thuật KHX gãy thân 2 xương cẳng chân	x	x		
781	Phẫu thuật KHX gãy xương mác đơn thuần	x	x		
782	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	x			
783	Phẫu thuật KHX gãy 2 mắt cá cổ chân	x			
784	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá trong	x	x		
785	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá ngoài	x	x		
786	Phẫu thuật KHX gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	x	x		
	9. Vùng gót chân - bàn chân				
787	Phẫu thuật KHX gãy trật xương sên	x			
788	Phẫu thuật KHX gãy xương gót	x			
789	Phẫu thuật KHX gãy trật xương gót	x			
790	Phẫu thuật KHX trật khớp Lisfranc	x			
791	Phẫu thuật KHX gãy trật đốt bàn ngón chân	x			
792	Phẫu thuật KHX gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	x			
	10. Gãy xương hở				
793	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I hai xương cẳng chân	x	x		
794	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II hai xương cẳng chân	x	x		
795	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III hai xương cẳng chân	x	x		
796	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	x			
797	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	x			
798	Phẫu thuật KHX gãy hở I thân hai xương cẳng tay	x	x		
799	Phẫu thuật KHX gãy hở II thân hai xương cẳng tay	x	x		
800	Phẫu thuật KHX gãy hở III thân hai xương cẳng tay	x	x		
801	Phẫu thuật KHX gãy hở độ I thân xương cánh tay	x	x		
802	Phẫu thuật KHX gãy hở độ II thân xương cánh tay	x	x		
803	Phẫu thuật KHX gãy hở độ III thân xương cánh tay	x	x		
804	Phẫu thuật KHX gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	x			
805	Cổ đỉnh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên	x	x		
806	Cổ đỉnh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	11. Tổn thương phần mềm				
807	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	x	x	x	
808	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	x	x		
809	Phẫu thuật vết thương bàn tay	x	x		
810	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	x	x		
811	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	x	x		
812	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay	x			
813	Phẫu thuật chuyển vật che phủ phần mềm cuống mạch liền	x			
814	Phẫu thuật chuyển vật che phủ phần mềm cuống mạch rời	x			
	12. Vùng cổ tay - bàn tay				
815	Phẫu thuật KHX gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x		
816	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp xương khớp ngón tay	x	x		
817	Phẫu thuật KHX gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	x	x		
818	Phẫu thuật tạo hình tổn thương dây chằng mạn tính của ngón I	x			
819	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	x	x		
820	Phẫu thuật KHX gãy đầu dưới xương quay	x	x		
821	Phẫu thuật KHX gãy nội khớp đầu dưới xương quay	x	x		
822	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay	x			
823	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	x	x		
824	Phẫu thuật tái tạo dây chằng xương thuyền	x			
825	Phẫu thuật tái tạo tổn thương mạn tính dây chằng xương thuyền	x			
826	Phẫu thuật tái tạo dây chằng bên của ngón 1 bàn tay	x	x		
827	KHX qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay	x	x		
828	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay	x	x		
829	Phẫu thuật phương pháp Suave.Kapandji và điều trị viêm khớp quay trụ dưới	x			
830	Phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	x			
831	Phẫu thuật điều trị khớp giả xương thuyền bằng mảnh ghép xương cuống mạch liền	x			
832	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	x	x		
833	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	x	x		
834	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
835	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh giữa	x	x		
836	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh trụ	x	x		
837	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh quay	x	x		
838	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh giữa và thần kinh trụ	x	x		
839	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	x	x		
840	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	x	x		
841	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì	x			
842	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	x	x		
843	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	x	x		
844	Phẫu thuật thay khớp bàn, ngón tay nhân tạo	x			
845	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	x	x		
846	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	x	x		
847	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	x	x		
848	Tạo hình thay thế khớp cổ tay	x			
849	Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay	x			
850	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	x	x		
851	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	x	x		
852	Phẫu thuật điều trị tật thiếu xương quay bẩm sinh	x			
853	Phẫu thuật chuyển ngón tay	x			
854	Phẫu thuật làm đối chiếu ngón 1 (thiếu đường ô mô cái)	x			
855	Chỉnh hình trong bệnh Arthrogryposis (Viêm dính nhiều khớp bẩm sinh)	x			
856	Chỉnh hình tật dính quay trụ trên bẩm sinh	x			
857	Chỉnh hình bệnh co rút nhị đầu và cơ cánh tay trước	x			
858	Phẫu thuật và điều trị bệnh Dupuytren	x			
859	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	x			
860	Thương tích bàn tay giản đơn	x	x	x	
861	Thương tích bàn tay phức tạp	x	x		
862	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	x	x	x	
863	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	x	x	x	
864	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	x	x		
	13. Vùng cổ chân - bàn chân				
865	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
		A	B	C	D
866	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	x	x		
867	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp	x			
868	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	x			
869	Phẫu thuật kết hợp xương chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa	x			
870	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	x	x		
871	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	x	x		
872	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên	x			
873	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em	x			
874	Cắt chấn thương cổ và bàn chân	x	x		
875	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	x	x		
876	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	x	x		
877	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	x	x		
878	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	x	x		
879	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	x	x		
880	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	x	x		
	14. Chấn thương thể thao và chỉnh hình				
881	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	x	x		
882	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	x	x		
883	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	x			
884	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi	x			
885	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	x	x		
886	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille tới muộn	x			
887	Phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay	x			
888	Chuyển gân điều trị liệt đám rối thần kinh cánh tay	x			
889	Chuyển gân điều trị liệt thần kinh mác chung	x			
890	Phẫu thuật chỉnh hình cổ bàn chân sau bại liệt	x			
891	Phẫu thuật chỉnh hình cổ bàn chân sau bại não	x	x		
892	Phẫu thuật chỉnh hình bàn chân khoèo theo phương pháp PONESETI	x	x		
893	Chuyển vật da cân - cơ cuống mạch liên	x	x		
894	Ghép xương có cuống mạch nuôi	x			
895	Chuyển vật cân cơ cánh tay trước	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
896	Chỉnh sửa lệch trục chi (chân chữ X, O)	x	x		
897	Trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
898	Phẫu thuật trật bánh chè bẩm sinh	x	x		
899	Phẫu thuật trật bánh chè mắc phải	x	x		
900	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi	x	x		
901	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tam đầu cánh tay	x			
902	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm	x	x		
903	Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối	x			
	15. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình ở trẻ em				
904	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	x	x		
905	Gãy thân xương cánh tay phẫu thuật phương pháp METAIZEUM	x	x		
906	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	x	x		
907	Phẫu thuật cứng gối theo phương pháp JUDET	x			
908	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	x			
909	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	x	x		
910	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rong rọc xương cánh tay	x	x		
911	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	x	x		
912	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	x	x		
913	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	x	x		
914	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đai quay (Gãy cổ xương quay)	x	x		
915	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	x	x		
916	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương	x	x		
917	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	x	x		
918	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	x	x		
919	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	x	x		
920	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	x	x		
921	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	x	x		
922	Phẫu thuật sửa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân	x			
923	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
924	Phẫu thuật kết hợp xương gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương	x			
925	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý	x			
926	Phẫu thuật chỉnh sửa sau gãy xương Cal lệch xương	x			
	16. Phẫu thuật chấn thương chỉnh hình khác				
927	Phẫu thuật thay khớp gối bán phần	x			
928	Phẫu thuật tạo hình điều trị cứng gối sau chấn thương	x			
929	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng	x	x		
930	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần	x	x		
931	Phẫu thuật thay đoạn xương ghép bảo quản bằng kỹ thuật cao	x			
932	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng	x	x		
933	Phẫu thuật ghép chi	x			
934	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	x	x	x	
935	Phẫu thuật kéo dài chi	x	x		
936	Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liên	x			
937	Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo	x	x		
938	Phẫu thuật làm vận động khớp gối	x			
939	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân	x	x		
940	Phẫu thuật vi phẫu nối mạch chi	x			
941	Phẫu thuật sửa trục chi (kết hợp xương bằng nẹp vis, Champon, Kim K. Wire)	x			
942	Phẫu thuật cắt cụt chi	x	x		
943	Phẫu thuật tháo khớp chi	x	x		
944	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	x	x		
945	Phẫu thuật xơ cứng phức tạp	x			
946	Phẫu thuật chuyển gân chi (Chuyển gân chày sau, chày trước, cơ mác bên dài)	x			
947	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	x	x		
948	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay	x	x		
949	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)	x	x		
950	Phẫu thuật làm cứng khớp gối	x			
951	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối	x			
952	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
953	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	x	x		
954	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	x	x	x	
955	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	x	x		
956	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp	x	x		
957	Phẫu thuật điều trị gãy xương/đặt lại xương trên một vùng chi thể (không sử dụng các phương tiện kết hợp xương)	x	x		
958	Phẫu thuật đóng cứng khớp khác	x	x		
959	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	x	x		
960	Phẫu thuật vá da diện tích < 5cm ²	x	x		
961	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5 - 10cm ²	x	x		
962	Phẫu thuật vá da diện tích > 10cm ²	x	x		
963	Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân (1 gân)	x	x		
964	Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân)	x	x		
965	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, khuỷu...)	x	x		
966	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)	x			
967	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	x			
968	Phẫu thuật ghép xương tự thân	x	x		
969	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo	x			
970	Phẫu thuật lấy bỏ u phần mềm	x	x		
971	Lấy u xương (ghép xi măng)	x	x		
972	Phẫu thuật U máu	x			
973	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	x			
974	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	x			
975	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh	x			
976	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ	x	x		
977	Phẫu thuật vá da dày > 1cm ²	x	x		
978	Phẫu thuật vá da mỏng	x	x		
979	Phẫu thuật viêm xương	x	x		
980	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	x	x		
981	Kéo dài ngón tay bằng khung cố định ngoài	x			
982	Phẫu thuật viên tấy bao hoạt dịch bàn tay	x			
983	Phẫu thuật vết thương khớp	x	x		
984	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	x	x	x	

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	17. Nắn - Bó bột				
985	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	x	x		
986	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	x	x		
987	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	x	x		
988	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	x	x		
989	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	x	x		
990	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	x	x		
991	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	x	x		
992	Bột Corset Minerve, Cravate	x	x		
993	Nắn, bó bột gãy xương hàm	x			
994	Nắn, bó bột cột sống	x	x		
995	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x		
996	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x		
997	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	x	x		
998	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	x	x		
999	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	x	x		
1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x		
1001	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x		
1002	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	x	x		
1003	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x	x		
1004	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cánh tay	x	x		
1005	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cánh tay	x	x		
1006	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cánh tay	x	x		
1007	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x		
1008	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	x	x		
1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x		
1010	Nắn, bó bột trật khớp háng	x	x		
1011	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	x	x		
1012	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x		
1013	Nắn, bó bột gãy xương chậu	x	x		
1014	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
1015	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	x	x		
1016	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	x	x		
1017	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x		
1018	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x		
1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x		
1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x		
1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x		
1022	Nắn, bó bột gãy xương chày	x	x		
1023	Nắn, bó bột gãy xương gót	x	x		
1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x		
1025	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	x	x		
1026	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x		
1027	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x		
1028	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x		
1029	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x		
1030	Nắn, cố định trật khớp hàm	x	x		
1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x		
1032	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x		
	H. CỘT SỐNG				
	1. Cột sống cổ				
1033	Phẫu thuật cố định C ₁ -C ₂ điều trị mất vững C ₁ -C ₂	x			
1034	Phẫu thuật cố định chẩm cổ, ghép xương với mất vững cột sống cổ cao do các nguyên nhân (gãy chẩm cùng, gãy mỏm nha, vỡ C ₁ ...)	x			
1035	Phẫu thuật vít trực tiếp mỏm nha trong điều trị gãy mỏm nha	x			
1036	Buộc vòng cố định C ₁ -C ₂ lồi sau	x			
1037	Phẫu thuật tạo hình cung sau cột sống cổ trong bệnh lý hẹp ống sống cổ đa tầng	x			
1038	Kết hợp xương nẹp vít cột sống cổ lồi sau	x			
1039	Phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ	x			
1040	Phẫu thuật giải ép, lấy TVĐĐ cột sống cổ đường sau vi phẫu	x			
1041	Cắt một phần bán sống trong hẹp ống sống cổ	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
1042	Phẫu thuật giải ép, ghép xương liên thân đốt và cố định cột sống cổ đường trước	x			
1043	Kéo cột sống bằng khung Halo	x			
1044	Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống cổ	x			
1045	Phẫu thuật cắt thân đốt sống, ghép xương và cố định CS cổ (ACCF)	x			
1046	Phẫu thuật lấy đĩa đệm, ghép xương và cố định CS cổ (ACDF)	x	x		
1047	Phẫu thuật cắt chéo thân đốt sống cổ đường trước	x	x		
1048	Phẫu thuật giải ép lỗ liên hợp cột sống cổ đường trước	x	x		
1049	Phẫu thuật trượt bản lề cổ chẩm	x	x		
1050	Phẫu thuật bệnh lý vôi hóa dây chằng dọc sau cột sống cổ	x	x		
1051	Phẫu thuật nang Tarlov	x	x		
	2. Cột sống ngực				
1052	Cố định cột sống ngực bằng hệ thống móc	x			
1053	Phẫu thuật mở cung sau cột sống ngực	x	x		
1054	Lấy đĩa đệm đường sau qua đường cắt xương sườn	x			
1055	Tạo hình lồng ngực (cắt các xương sườn ở mặt lõm trong vẹo cột sống để chỉnh hình lồng ngực)	x			
1056	Phẫu thuật chỉnh vẹo cột sống qua đường sau	x			
1057	Phẫu thuật chỉnh gù cột sống qua đường sau	x			
1058	Phẫu thuật chỉnh vẹo CS đường trước và hàn khớp	x			
1059	Phẫu thuật chỉnh gù CS đường trước và hàn khớp	x			
1060	Phẫu thuật lấy đĩa đệm cột sống đường trước	x			
1061	Lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương	x			
1062	Lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium	x			
1063	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng nẹp vít qua cuống lồi sau	x	x		
1064	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng cố định lồi bên	x	x		
	3. Cột sống thắt lưng				
1065	Đặt nẹp cố định cột sống phía trước và ghép xương (nẹp Kaneda, chữ Z)	x			
1066	Cố định cột sống bằng buộc luồn chỉ thép dưới cung sau đốt sống (phương pháp Luqué)	x	x		

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
1067	Cố định cột sống và cánh chậu	x			
1068	Phẫu thuật cố định cột sống bằng vít qua cuống	x	x		
1069	Phẫu thuật cố định cột sống sử dụng vít loăng xương	x			
1070	Phẫu thuật cố định cột sống sử dụng hệ thống định vị (Navigation)	x			
1071	Phẫu thuật cố định bắt vít qua cuống sống sử dụng hệ thống rô-bốt	x			
1072	Phẫu thuật cố định cột sống thắt lưng sử dụng hệ thống nẹp bán động	x			
1073	Lấy đĩa đệm đốt sống, cố định CS và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)	x			
1074	Cố định CS và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau (PLIF)	x	x		
1075	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)	x	x		
1076	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng	x	x		
1077	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng	x	x		
1078	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	x	x		
1079	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	x			
1080	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng	x	x		
1081	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix ...)	x			
1082	Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống thắt lưng - cùng	x			
	4. Các phẫu thuật ít xâm lấn				
1083	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học qua cuống	x			
1084	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có bóng	x			
1085	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có lồng titan	x			
1086	Bơm ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống	x	x		
1087	Phẫu thuật lấy nhân thoát vị đĩa đệm ít xâm lấn sử dụng hệ thống ống nong	x			
1088	Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da dưới hướng dẫn của cắt lớp hoặc cộng hưởng từ	x			

Ngoại khoa

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
1089	Phẫu thuật tạo hình nhân nhầy đĩa đệm cột sống cổ bằng sóng cao tần	x			
1090	Phẫu thuật tạo hình nhân nhầy đĩa đệm cột sống thắt lưng bằng sóng cao tần	x			
1091	Phẫu thuật lấy đĩa đệm cột sống thắt lưng qua da	x			
1092	Phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng qua da	x			
1093	Phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng qua da + ghép xương liên thân đốt qua lỗ liên hợp sử dụng hệ thống ống nong	x			
	I. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
1094	Phẫu thuật vết thương tủy sống	x	x		
1095	Phẫu thuật vết thương tủy sống kết hợp cố định cột sống	x	x		
1096	Phẫu thuật máu tụ ngoài màng cứng tủy sống	x	x		
1097	Phẫu thuật máu tụ dưới màng cứng tủy sống	x	x		
1098	Phẫu thuật dị vật tủy sống, ống sống	x	x		
1099	Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng	x	x		
1100	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng	x	x		
1101	Mở cung sau và cắt bỏ mỏm khớp dưới	x	x		
1102	Mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	x	x		
1103	Phẫu thuật thần kinh chức năng cắt rễ thần kinh chọn lọc	x	x		
1104	Cắt cột tủy sống điều trị chứng đau thần kinh	x			
1105	Phẫu thuật thần kinh chức năng điều trị đau do co cứng, đau do ung thư	x			
1106	Phẫu thuật tạo hình xương ức	x	x		
1107	Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên	x	x		
1108	Phẫu thuật cột sống điều trị các bệnh lý cột sống tái phát	x			
1109	Phẫu thuật cắt hoặc tạo hình cung sau trong điều trị hẹp ống sống	x	x		
1110	Phẫu thuật nang màng nhện tủy	x	x		
1111	Phẫu thuật điều trị Arnold Chiarri	x	x		
1112	Phẫu thuật ứng dụng tế bào gốc điều trị các bệnh lý thần kinh tủy sống	x			
1113	Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng	x	x	x	

Ngoại khoa

XI. BÔNG

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. ĐIỀU TRỊ BÔNG				
	1. Thay băng bông				
1	Thay băng điều trị vết bông trên 60% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
2	Thay băng điều trị vết bông từ 40% - 60% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
3	Thay băng điều trị vết bông từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
4	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
5	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	x
6	Thay băng điều trị vết bông trên 60% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
7	Thay băng điều trị vết bông từ 40 % - 60% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
8	Thay băng điều trị vết bông từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
9	Thay băng điều trị vết bông từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
10	Thay băng điều trị vết bông dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
11	Thay băng sau phẫu thuật ghép da điều trị bông sâu	x	x	x	
12	Thay băng và chăm sóc vùng lấy da	x	x	x	
13	Sử dụng thuốc tạo màng điều trị vết thương bông nông	x	x	x	x
14	Gây mê thay băng bông	x	x	x	
	2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bông				
15	Rạch hoại tử bông giải thoát chèn ép	x	x	x	
16	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bông sâu	x	x	x	x
17	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
18	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
19	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
20	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bông sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			

Bông

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
21	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
22	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
23	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
24	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
25	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
26	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
27	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
28	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
29	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x			
30	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
31	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x	x	
32	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
33	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
34	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x	x	
35	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) $\geq 10\%$ diện tích cơ thể ở người lớn	x			
36	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
37	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) $\geq 5\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
38	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
39	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) $\geq 10\%$ diện tích cơ thể ở người lớn	x			
40	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		

Bảng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
41	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) $\geq 5\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
42	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
43	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) $\geq 10\%$ diện tích cơ thể ở người lớn	x			
44	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
45	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) $\geq 5\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
46	Ghép da tự thân mảnh siêu nhỏ (micro skin graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
47	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) $\geq 10\%$ diện tích cơ thể ở người lớn	x			
48	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
49	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) $\geq 5\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
50	Ghép da tự thân phối hợp kiểu hai lớp (sandwich) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
51	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) $\geq 10\%$ diện tích cơ thể ở người lớn	x			
52	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
53	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) $\geq 5\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em	x			
54	Ghép da tự thân xen kẽ (molem-jackson) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
55	Ghép da đồng loại $\geq 10\%$ diện tích cơ thể	x	x		
56	Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể	x	x	x	
57	Ghép da dị loại điều trị vết thương bỏng	x	x	x	
58	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại điều trị vết thương, vết bỏng	x	x		
59	Sử dụng các sản phẩm dạng dung dịch từ nuôi cấy tế bào để điều trị vết thương, vết bỏng	x	x	x	

Bảng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
60	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x			
61	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn điều trị bỏng sâu	x	x		
62	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause $\geq 1\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu	x			
63	Phẫu thuật ghép da dày tự thân kiểu wolf- krause dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em điều trị bỏng sâu	x	x		
64	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín $\geq 3\%$ diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
65	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	x	x		
66	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín $\geq 1\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
67	Cắt hoại tử toàn lớp - khâu kín dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	x	x		
68	Phẫu thuật chuyển vạt da tại chỗ điều trị bỏng sâu	x	x		
69	Phẫu thuật chuyển vạt da kiểu Ý điều trị bỏng sâu	x	x		
70	Phẫu thuật chuyển vạt da phức tạp có nối mạch vi phẫu điều trị bỏng sâu	x			
71	Lấy bỏ sụn viêm hoại tử trong bỏng vành tai	x	x		
72	Cắt cụt cấp cứu chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	x	x		
73	Cắt cụt chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	x	x		
74	Tháo khớp chi thể bỏng không còn khả năng bảo tồn điều trị bỏng sâu	x	x		
75	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bỏng sâu	x	x		
76	Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bỏng sâu có tổn thương xương sọ	x	x		
3. Các kỹ thuật khác					
77	Khám bệnh nhân bỏng, chẩn đoán diện tích và độ sâu bỏng bằng lâm sàng	x	x	x	x
78	Chẩn đoán độ sâu bỏng bằng thiết bị laser doppler	x	x		
79	Sơ cứu, cấp cứu tổn thương bỏng nhiệt	x	x	x	x
80	Xử lý tại chỗ kỳ đầu tổn thương bỏng	x	x	x	x
81	Sơ cấp cứu bỏng do vôi tôi nóng	x	x	x	x

Bỏng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
82	Sơ cấp cứu bỏng acid	x	x	x	x
83	Sơ cấp cứu bỏng do dòng điện	x	x	x	x
84	Chẩn đoán và điều trị sốc bỏng	x	x	x	
85	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường hô hấp	x	x	x	
86	Chẩn đoán và cấp cứu bỏng đường tiêu hóa	x	x	x	
87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	x	x	x	
88	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bỏng	x	x		
89	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	x
90	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	
91	Theo dõi chăm sóc người bệnh bỏng nặng	x	x		
92	Nội soi hô hấp chẩn đoán và điều trị bỏng đường hô hấp	x			
93	Nội soi tiêu hóa chẩn đoán và điều trị bỏng tiêu hóa và các biến chứng tiêu hóa ở bệnh nhân bỏng nặng	x			
94	Siêu lọc máu liên tục điều trị nhiễm độc, nhiễm khuẩn do bỏng	x	x		
95	Sử dụng giường khí hóa lỏng điều trị bệnh nhân bỏng nặng	x	x		
96	Sử dụng giường đệm tuần hoàn khí điều trị bệnh nhân bỏng nặng	x	x		
97	Tắm điều trị bệnh nhân bỏng	x	x	x	
98	Sử dụng oxy cao áp điều trị bệnh nhân bỏng	x	x		
99	Điều trị tổn thương bỏng bằng máy sưởi ẩm bức xạ	x	x	x	
100	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương, vết bỏng	x	x		
101	Hút áp lực âm (v.a.c) liên tục trong 48h điều trị vết thương, vết bỏng	x	x		
	B. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH, THẨM MỸ TRONG BỎNG VÀ SAU BỎNG				
102	Khám di chứng bỏng	x	x	x	
103	Cắt sẹo khâu kín	x	x	x	
104	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	x	x		
105	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause	x	x		
106	Kỹ thuật đặt túi giãn da điều trị sẹo bỏng	x	x		
107	Phẫu thuật cắt sẹo, lấy bỏ túi giãn da, tạo hình ổ khuyết	x	x		
108	Kỹ thuật tạo vạt da có nối mạch dưới kính hiển vi phẫu thuật điều trị bỏng	x			

Bỏng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
109	Kỹ thuật tạo vạt da có cuống mạch liên điều trị sẹo bỏng	x	x		
110	Kỹ thuật tạo vạt da “siêu mỏng” chăm cổ lưng có nối mạch vi phẫu điều trị sẹo vùng cổ - mặt	x			
111	Kỹ thuật tạo vạt da chữ Z điều trị sẹo bỏng	x	x		
112	Kỹ thuật tạo vạt da V-Y điều trị sẹo bỏng	x	x		
113	Sử dụng vạt 5 cánh (five flap) trong điều trị sẹo bỏng	x	x		
114	Quy trình kỹ thuật tạo vạt da DIEP điều trị sẹo bỏng	x			
115	Kỹ thuật tạo vạt da tại chỗ điều trị sẹo bỏng	x	x		
	C. ĐIỀU TRỊ VẾT THƯƠNG MẠN TÍNH				
116	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	x	x	x	
117	Hút áp lực âm (V.A.C) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	x	x		
118	Hút áp lực âm (V.A.C) trong 48h điều trị vết thương mạn tính	x	x		
119	Ghép màng nuôi cấy tế bào các loại trong điều trị vết thương mạn tính	x	x		
120	Điều trị vết thương chậm liền bằng laser he-ne	x	x	x	
121	Sử dụng oxy cao áp điều trị vết thương mạn tính	x	x		
	D. VẬT LÝ TRỊ LIỆU, PHỤC HỒI CHỨC NĂNG TRONG BỎNG				
122	Khám bệnh nhân phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x	
123	Tắm phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x	
124	Điều trị sẹo bỏng bằng siêu âm kết hợp với thuốc	x	x		
125	Điều trị sẹo bỏng bằng quần áo áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	x	x		
126	Điều trị sẹo bỏng bằng băng thun áp lực kết hợp với thuốc làm mềm sẹo	x	x		
127	Điều trị sẹo bỏng bằng day sẹo - massage sẹo với các thuốc làm mềm sẹo	x	x		
128	Tập vận động phục hồi chức năng sau bỏng	x	x	x	
129	Sử dụng gel silicol điều trị sẹo bỏng	x	x	x	
130	Tập vận động cho bệnh nhân đang điều trị bỏng để dự phòng cứng khớp và co kéo chi thể	x	x	x	
131	Đặt vị thế cho bệnh nhân bỏng	x	x	x	

Bảng

XII. UNG BƯỚU

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. ĐẦU - CỔ				
1	Nút động mạch để điều trị u máu và các u khác ở vùng đầu và hàm mặt	x			
2	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5cm	x	x	x	
3	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10cm	x	x		
4	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10cm	x	x		
5	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ phức tạp	x			
6	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5cm	x	x		
7	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10cm	x	x		
8	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính trên 10cm	x	x		
9	Cắt các loại u vùng mặt phức tạp	x			
10	Cắt các u lành vùng cổ	x	x	x	
11	Cắt các u lành tuyến giáp	x	x	x	
12	Cắt các u nang giáp móng	x	x	x	
13	Cắt các u nang mang	x	x		
14	Cắt các u ác tuyến mang tai	x	x		
15	Cắt các u ác tuyến giáp	x	x		
16	Cắt các u ác tuyến dưới hàm	x	x		
	B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG				
17	Điều trị các khối u sọ não và một số bệnh lý thần kinh sọ não bằng dao Gamma	x	x		
18	Phẫu thuật u di căn lên não dưới kỹ thuật định vị	x	x		
19	Phẫu thuật cắt u màng não, não đơn giản dưới kỹ thuật định vị	x	x		
20	Cắt u sọ hầu	x	x		
21	Cắt u vùng hố yên	x	x		
22	Cắt u hố sau u thùy Vermis	x	x		
23	Cắt u hố sau u góc cầu tiểu não	x	x		
24	Cắt u hố sau u tiểu não	x	x		
25	Cắt u hố sau u nguyên bào mạch máu	x	x		
26	Cắt u màng não nền sọ	x	x		
27	Cắt u não vùng hố sau	x	x		

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
28	Cắt u liềm não	x	x		
29	Cắt u lều tiểu não	x	x		
30	Cắt u não cạnh đường giữa	x	x		
31	Cắt u góc cầu tiểu não qua đường mê nhĩ	x	x		
32	Cắt u não thất	x	x		
33	Cắt u bán cầu đại não	x	x		
34	Cắt u tủy cổ cao	x	x		
35	Cắt u tủy	x	x		
36	Cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tủy	x	x		
37	Cắt u vùng hang và u mạch não	x	x		
38	Cắt cột tủy sống trong u tủy	x	x		
39	Cắt u vùng đuôi ngựa	x	x		
40	Cắt u dây thần kinh trong và ngoài tủy	x	x		
41	Cắt u đốt sống ngoài màng cứng	x	x		
42	Phẫu thuật dị dạng lạc chỗ tế bào thần kinh Hamartome	x	x		
43	Quang động học (PTD) trong điều trị u não ác tính	x	x		
44	Cắt u dây thần kinh ngoại biên	x	x		
	C. HÀM - MẶT				
45	Cắt u cơ vùng hàm mặt	x	x		
46	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	x	x		
47	Cắt u vùng hàm mặt phức tạp	x	x		
48	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ	x	x		
49	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
50	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật từ xa	x	x		
51	Cắt ung thư hàm trên kèm hố mắt và xương gò má	x	x		
52	Cắt ung thư hàm trên, hàm dưới kèm vét hạch, tạo hình bằng vật da, cơ	x	x		
53	Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
54	Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng ghép da hoặc niêm mạc	x	x		

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
55	Cắt u máu - bạch mạch vùng hàm mắt	x	x		
56	Cắt u mạch máu lớn vùng hàm mắt, khi cắt bỏ kèm thất động mạch cảnh 1 hay 2 bên	x	x		
57	Cắt u mạch máu lớn trên 10cm vùng sàn miệng, dưới hàm, cạnh cổ	x	x		
58	Tiêm xơ điều trị u máu vùng hàm mắt	x	x		
59	Tiêm xơ điều trị u bạch mạch vùng hàm mắt	x	x		
60	Tiêm xơ chữa u máu trong xương hàm	x	x		
61	Tiêm xơ chữa u máu, bạch mạch lưỡi, sàn miệng dưới hàm, cạnh cổ...	x	x	x	
62	Cắt u sắc tố vùng hàm mắt	x	x		
63	Cắt ung thư da vùng hàm mắt và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
64	Cắt nang vùng sàn miệng	x	x		
65	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm	x	x		
66	Cắt chấu sàn miệng, tạo hình và vét hạch cổ	x	x		
67	Cắt ung thư vòm khẩu cái, tạo hình	x	x		
68	Cắt u xơ vùng hàm mắt đường kính dưới 3cm	x	x	x	
69	Cắt u xơ vùng hàm mắt đường kính trên 3cm	x	x		
70	Cắt nang răng đường kính dưới 2cm	x	x	x	
71	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2cm	x	x	x	
72	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2 - 5cm	x	x		
73	Cắt nang xương hàm khó	x	x		
74	Cắt u nang men răng, ghép xương	x	x		
75	Cắt bỏ u xương thái dương	x	x		
76	Cắt bỏ u xương thái dương - tạo hình vạt da cơ	x	x		
77	Cắt u môi lành tính có tạo hình	x	x		
78	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5cm	x	x		
79	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính trên 5cm	x	x		
80	Cắt u thần kinh vùng hàm mắt	x	x		
81	Cắt u dây thần kinh số VIII	x	x		
82	Cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x		
83	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm	x	x		

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
84	Cắt u lợi đường kính 2cm trở lên	x	x		
85	Cắt toàn bộ u lợi 1 hàm	x	x		
86	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x		
87	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi	x	x		
88	Cắt u tuyến nước bọt phụ	x	x		
89	Cắt u tuyến nước bọt mang tai	x	x		
90	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5cm	x	x		
91	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5cm	x	x		
92	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5cm	x	x	x	
93	Vết hạch cổ bảo tồn	x	x		
94	Vết hạch cổ, truyền hóa chất động mạch cảnh	x	x		
95	Vết hạch dưới hàm đặt catheter động mạch lưỡi để truyền hóa chất	x	x		
	D. MẮT				
96	Cắt u nội nhãn	x	x		
97	Cắt u mi cả bề dày không vá	x	x		
98	Cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	x	x		
99	Cắt u hốc mắt bên và sau nhãn cầu có mở xương hốc mắt	x	x		
100	Cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ	x	x		
101					
102	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x		
103	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x		
104	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	x	x		
105	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình	x	x		
106	Cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ	x	x		
107	Cắt u kết mạc không vá	x	x		
108	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	x	x		
109	Cắt u tiền phòng	x	x		
110	Cắt u hốc mắt không mở xương hốc mắt	x	x		
111	Cắt ung thư hốc mắt đã xâm lấn các xoang: xoang hàm, xoang sàng...	x	x		
112	Nạo vết tổ chức hốc mắt	x	x		

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
	Đ. TAI - MŨI - HỌNG				
113	Cắt u xơ vòm mũi họng	x	x		
114	Mở đường dưới thái dương (Ugo-Fish) lấy khối u xơ vòm mũi họng	x	x		
115	Cắt u họng - thanh quản bằng laser	x	x		
116	Cắt hạ họng bán phần	x	x		
117	Cắt u thành họng bên có nạo hoặc không nạo hạch cổ	x	x		
118	Cắt u vùng họng miệng có tạo hình	x	x		
119	Cắt toàn bộ hạ họng - thực quản, tái tạo ống họng thực quản bằng dạ dày - ruột	x	x		
120	Cắt u thành bên họng	x	x		
121	Cắt u thành sau họng	x	x		
122	Cắt u thành bên lan lên đáy sọ	x	x		
123	Cắt u khoang bên họng lan đáy sọ	x	x		
124	Cắt khối u vùng họng miệng bằng laser	x	x		
125	Cắt u lành tính dây thanh	x	x		
126	Cắt u lành tính thanh quản	x	x		
127	Cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x		
128	Cắt u lành thanh quản bằng laser	x	x		
129	Cắt ung thư thanh quản, hạ họng bằng laser	x	x		
130	Cắt thanh quản bán phần	x	x		
131	Cắt toàn bộ thanh quản và một phần họng có vét hạch hệ thống	x	x		
132	Phẫu thuật ung thư thanh môn có bảo tồn thanh quản	x	x		
133	Rút ống nong thanh khí quản - cắt tổ chức sùi thanh khí quản	x	x		
134	Cắt u hạ họng qua đường cổ bên	x	x		
135	Cắt u lưỡi lành tính	x	x		
136	Cắt ung thư lưỡi và tạo hình tại chỗ	x	x		
137	Cắt một nửa lưỡi + vét hạch cổ	x	x		
138	Cắt bán phần lưỡi có tạo hình bằng vật cân cơ	x	x		
139	Cắt ung thư lưỡi - sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vật từ xa	x	x		
140	Cắt ung thư lưỡi, nạo vét hạch và tạo hình bằng vật từ xa	x	x		

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
141	Cắt khối u khẩu cái	x	x		
142	Cắt bỏ khối u màn hầu	x	x		
143	Cắt u màn hầu có tạo hình vật cân cơ niêm mạc	x	x		
144	Cắt ung thư sàng hàm	x	x		
145	Phẫu thuật u sàng hàm lan đáy sọ phối hợp đường cạnh mũi và đường Bicornal	x	x		
146	Cắt ung thư tai - xương chũm và nạo vét hạch	x	x		
147	Cắt u amidan	x	x		
148	Cắt bỏ ung thư Amydan và nạo vét hạch cổ	x	x		
149	Cắt lạnh u máu hạ thanh môn	x	x		
150	Cắt lạnh u máu vùng tai mũi họng	x	x		
151	Cắt u cuộn cảnh	x	x		
152	Cắt u dây thần kinh VIII	x	x		
153	Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x		
154	Cắt, nạo vét hạch cổ tiết căn				
155	Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên	x	x		
156	Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 2 bên	x	x		
157	Cắt u nhái sàn miệng	x	x		
158	Phẫu thuật mổ u nang sàn mũi	x	x		
159	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	x	x		
160	Tạo hình cánh mũi do ung thư	x	x		
161	Cắt polyp ống tai	x	x	x	
162	Cắt polyp mũi	x	x	x	
163	Cắt u xương ống tai ngoài	x	x		
164	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	x	x		
165	Súc rửa vòm họng trong xạ trị	x	x		
	E. LỒNG NGỰC - TIM MẠCH - PHỔI				
166	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x		
167	Cắt u xương sườn 1 xương	x	x		
168	Phẫu thuật cắt u sụn phế quản	x	x		
169	Phẫu thuật bóc kén màng phổi	x	x		
170	Phẫu thuật bóc kén trong nhu mô phổi	x	x		

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
171	Phẫu thuật cắt kén khí phổi	x	x		
172	Phẫu thuật bóc u thành ngực	x	x		
173	Cắt u xương sườn nhiều xương	x	x		
174	Cắt khối u cơ tim	x	x		
175	Cắt u nhầy tim	x	x		
176	Cắt u màng tim	x	x		
177	Phẫu thuật cắt kén màng tim	x	x		
178	Cắt u nang phổi hoặc u nang phế quản	x	x		
179	Cắt một thùy kèm cắt một phân thùy điển hình do ung thư	x	x		
180	Cắt thùy phổi, phần phổi còn lại	x	x		
181	Cắt một bên phổi do ung thư	x	x		
182	Cắt một thùy phổi hoặc một phân thùy phổi do ung thư	x	x		
183	Cắt 2 thùy phổi 2 bên lồng ngực trong một phẫu thuật	x	x		
184	Cắt thùy phổi hoặc cắt một bên phổi kèm vét hạch trung thất	x	x		
185	Cắt thùy phổi hoặc cắt một bên phổi kèm một mảnh thành ngực	x	x		
186	Cắt phổi và màng phổi	x	x		
187	Cắt phổi không điển hình do ung thư	x	x		
188	Cắt u trung thất	x	x		
189	Cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch 1 bên lồng ngực	x	x		
190	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5cm	x	x	x	
191	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10cm	x	x		
192	Cắt u máu hay bạch mạch vùng cổ, vùng trên xương đòn, vùng nách xâm lấn các mạch máu lớn	x	x		
193	Cắt u máu, u bạch huyết trong lồng ngực đường kính trên 10cm				
194	Phẫu thuật vét hạch nách	x	x		
	G. TIÊU HÓA - BỤNG				
195	Cắt u lành thực quản	x	x		
196	Tạo hình thực quản (do ung thư & bệnh lành tính)	x	x		
197	Cắt bỏ thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình ngay	x	x		
198	Cắt bỏ thực quản ngực, tạo hình thực quản bằng ống dạ dày (Phẫu thuật Lewis-Santy hoặc phẫu thuật Akiyama)	x	x		
199	Cắt dạ dày do ung thư	x	x		

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
200	Cắt bán phần hoặc gần toàn bộ dạ dày cực dưới do ung thư kèm vết hạch hệ thống D1 hoặc D2	x	x		
201	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư và vết hạch hệ thống	x	x		
202	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư tạo hình bằng đoạn ruột non	x	x		
203	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	x	x	x	
204	Các phẫu thuật điều trị ung thư tá tràng	x	x		
205	Cắt toàn bộ đại tràng do ung thư và vết hạch hệ thống	x	x		
206	Cắt lại đại tràng do ung thư	x	x		
207	Cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo có hoặc không vết hạch hệ thống	x	x		
208	Cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma do ung thư có hoặc không vết hạch hệ thống nối ngay	x	x		
209	Cắt một nửa đại tràng phải, trái do ung thư kèm vết hạch hệ thống	x	x		
210	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	x	x		
211	Cắt đoạn trực tràng do ung thư, cắt toàn bộ mạc treo trực tràng (TME)	x	x		
212	Cắt cắt trực tràng đường bụng, đường tầng sinh môn	x	x		
213	Cắt trực tràng giữ lại cơ tròn	x	x		
214	Cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư tiêu hóa	x	x		
215	Làm hậu môn nhân tạo				
216	Cắt u sau phúc mạc	x	x		
217	Cắt u mạc treo có cắt ruột	x	x		
218	Cắt u mạc treo không cắt ruột	x	x	x	
219	Phẫu thuật lấy bỏ mạc nối lớn, phúc mạc	x	x		
	H. GAN - MẬT - TỤY				
220	Cắt gan phải do ung thư	x			
221	Cắt gan trái do ung thư	x	x		
222	Cắt phân thùy gan	x	x		
223	Cắt gan phải mở rộng do ung thư	x			
224	Cắt gan trái mở rộng do ung thư	x			
225	Cắt gan không điển hình - Cắt gan lớn do ung thư	x			
226	Cắt gan không điển hình - Cắt gan nhỏ do ung thư	x	x		

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
227	Cắt chỏm nang gan bằng nội soi hay mổ bụng	x	x		
228	Cắt gan có phối hợp đốt nhiệt cao tần trên đường cắt gan	x			
229	Đốt nhiệt sóng cao tần điều trị ung thư gan	x	x		
230	Đốt nhiệt cao tần điều trị ung thư gan qua hướng dẫn của siêu âm, qua phẫu thuật nội soi	x			
231	Nút mạch hóa chất điều trị ung thư gan (TOCE)	x	x		
232	Tiêm cồn tuyệt đối vào u gan qua siêu âm	x	x		
233	Thắt động mạch gan ung thư hoặc chảy máu đường mật	x	x		
234	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ	x	x		
235	Cắt đường mật ngoài gan điều trị ung thư ống mật chủ	x			
236	Nội mật - Hồng tràng do ung thư	x	x		
237	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư	x	x		
238	Đốt nhiệt cao tần khối u ác tính vùng đầu tụy	x			
239	Cắt đuôi tụy và cắt lách	x	x		
240	Cắt bỏ khối u tá tụy	x	x		
241	Cắt thân và đuôi tụy	x	x		
242	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách	x	x		
	I. TIẾT NIỆU - SINH DỤC				
243	Cắt u bàng quang đường trên	x	x		
244	Cắt một nửa bàng quang và cắt túi thừa bàng quang	x	x		
245	Cắt toàn bộ bàng quang, kèm tạo hình ruột - bàng quang	x	x		
246	Cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình bàng quang bằng ruột trong điều trị ung thư bàng quang	x	x		
247	Cắt nang niệu quản	x	x		
248	Cắt túi thừa niệu đạo	x	x		
249	Cắt rộng u niệu đạo, vết hạch	x	x		
250	Cắt bỏ tuyến tiền liệt kèm túi tinh và bàng quang	x			
251	Cắt tinh hoàn bằng xạ trị cho điều trị ung thư tinh hoàn	x	x		
252	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư	x	x		
253	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư + nạo vết hạch bên hai bên	x	x		
254	Cắt âm vật, vết hạch bên 2 bên do ung thư	x	x		

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
255	Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u đáy chậu, u tiểu khung	x	x		
256	Cắt u thận lành	x	x		
257	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu	x	x		
258	Cắt buồng nephroblastome sau phúc mạc	x	x		
259	Cắt ung thư thận có hoặc không vét hạch hệ thống	x	x		
260	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x		
261	Cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x	
262	Cắt u nang thừng tinh	x	x	x	
263	Cắt nang thừng tinh một bên	x	x	x	
264	Cắt nang thừng tinh hai bên	x	x	x	
265	Cắt u lành dương vật	x	x	x	
266	Cắt bỏ dương vật ung thư có vét hạch	x	x		
	K. VÚ - PHỤ KHOA				
267	Cắt u vú lành tính	x	x	x	
268	Mổ bóc nhân xơ vú	x	x	x	
269	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	x	x		
270	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách	x	x		
271	Cắt vú theo phương pháp Patey + Cắt buồng trứng hai bên	x	x		
272	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú cải biên (Patey) do ung thư vú	x	x		
273	Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư tuyến vú	x	x		
274	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	x	x		
275	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	x	x		
276	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú	x	x		
277	Sinh thiết hạch gác cửa trong ung thư vú	x	x		
278	Cắt polyp cổ tử cung	x	x	x	
279	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
280	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
281	Cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
282	Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x	
283	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	x	x	x	
284	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x	
285	Phẫu thuật mở bụng/nội soi bóc u lành tử cung	x	x	x	

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
286	Điều trị u lành tử cung bằng nút động mạch	x	x		
287	Cắt u xơ cổ tử cung	x	x		
288	Nạo buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
289	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung	x	x		
290	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)	x	x		
291	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	x	x		
292	Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vết hạch chậu 2 bên	x	x		
293	Phẫu thuật Wertheim - Meig điều trị ung thư cổ tử cung	x	x		
294	Phẫu thuật soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc, polip buồng tử cung	x	x		
295	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	x	x		
296	Phẫu thuật vét hạch chậu qua nội soi hỗ trợ cắt tử cung đường âm đạo trong ung thư niêm mạc tử cung	x	x		
297	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng	x	x		
298	Cắt bỏ tạng trong tiểu khung, từ 2 tạng trở lên	x			
299	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x		
300	Cắt ung thư buồng trứng lan rộng	x	x		
301	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng	x	x		
302	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo	x	x		
303	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bào tồn tử cung	x	x		
304	Cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên	x	x		
305	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	x	x	x	
306	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
307	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các vật tự thân	x	x		
308	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các chất liệu độn	x	x		
309	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
	L. PHẦN MỀM - XƯƠNG - KHỚP				
310	Cắt u thần kinh	x	x		
311	Cắt u xơ cơ xâm lấn	x	x		

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
312	Cắt rộng thương tổn phần mềm do ung thư + cắt các cơ liên quan	x	x		
313	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5cm	x	x	x	
314	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ 5 - 10cm	x	x		
315	Cắt u máu, u bạch mạch vùng phức tạp, khó	x			
316	Cắt u máu/u bạch mạch lan tỏa, đường kính bằng và trên 10cm	x	x		
317	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x		
318	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5cm	x	x		
319	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x		
320	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x	
321	Cắt u bao gân	x	x		
322	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x	
323	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	x	x	x	
324	Cắt u xương sụn lành tính	x	x	x	
325	Cắt u xương, sụn	x	x		
326	Cắt chi và vết hạch do ung thư	x	x		
327	Tháo khớp cổ tay do ung thư				
328	Cắt cụt cánh tay do ung thư	x	x		
329	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư	x	x		
330	Tháo khớp vai do ung thư đầu trên xương cánh tay	x	x		
331	Tháo nửa bàn chân trước do ung thư	x	x		
332	Tháo khớp cổ chân do ung thư	x	x		
333	Tháo khớp gối do ung thư	x	x		
334	Tháo khớp háng do ung thư	x	x		
335	Cắt cụt cẳng chân do ung thư	x	x		
336	Cắt cụt đùi do ung thư	x	x		
337	Cắt u máu trong xương	x			
338	Bơm xi măng vào xương điều trị u xương	x			
339	Cắt u nang tiêu xương, ghép xương	x			
340	Cắt u tế bào khổng lồ, ghép xương	x			

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
	M. XẠ TRỊ - HÓA TRỊ LIỆU				
341	Xạ trị bằng Gamma Knife	x			
342	Xạ trị bằng X Knife	x			
343	Xạ trị bằng Cyber Knife	x			
344	Xạ trị bằng máy gia tốc	x			
345	Xạ trị bằng máy gia tốc có điều biến liều	x			
346	Xạ trị bằng máy Rx	x			
347	Xạ trị bằng tấm áp P32	x			
348	Xạ trị áp sát xuất liều thấp	x			
349	Xạ trị áp sát xuất liều cao	x			
350	Xạ trị bằng nguồn áp sát	x			
351	Xạ trị bằng các đồng vị phóng xạ	x			
352	Xạ trị phối hợp đồng thời với hóa trị	x			
353	Xạ trị bằng máy Cobalt	x	x		
354	Xạ trị triệu chứng trong di căn ung thư	x	x		
355	Xạ trị trong mô				
356	Xạ trị trong mô ung thư vú	x	x		
357	Xạ trị trong mô ung thư phần mềm				
358	Xạ trị trong mô ung thư đại trực tràng	x	x		
359	Xạ trị điều biến liều sử dụng PET/CT mô phỏng	x	x		
360	Điều trị bướu nhân độc tuyến giáp bằng I ¹³¹	x			
361	Điều trị bệnh Basedow bằng I ¹³¹	x	x		
362	Điều trị bướu cổ đơn thuần bằng I ¹³¹	x	x		
363	Điều trị ung thư tuyến giáp biệt hóa bằng I ¹³¹	x	x		
364	Hóa trị liều cao				
365	Hóa trị liều cao kết hợp với truyền tế bào gốc tạo máu	x			
366	Hóa trị liên tục (12 - 24 giờ) bằng máy	x			
367	Truyền hóa chất động mạch	x	x		
368	Truyền hóa chất tĩnh mạch	x	x		
369	Truyền hóa chất khoang màng bụng	x	x		
370	Truyền hóa chất khoang màng phổi				
371	Truyền hóa chất nội tủy				

Ung bướu

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
372	Gây dính màng phổi bằng bơm hóa chất màng phổi	x	x		
373	Tiêm hóa chất vào màng bụng điều trị ung thư	x	x		
374	Tiêm hóa chất vào nhân ung thư nguyên bào nuôi	x	x		
375	Điều trị ung thư bằng nghiệm pháp gene	x			
376	Điều trị u máu bằng hóa chất	x	x		
377	Điều trị đích trong ung thư	x	x		
	N. KỸ THUẬT KHÁC				
378	Đổ khuôn chì trong xạ trị	x			
379	Nong cổ tử cung trước xạ trị	x			
380	Làm mát nạ cổ định đầu	x			
381	Truyền ghép tủy tự thân và ngoại lai	x			
382	Đặt các nguồn xạ vào tổ chức cơ thể	x			
383	Mô phỏng và lập kế hoạch cho xạ trị ngoài	x			
384	Mô phỏng và lập kế hoạch cho xạ trị trong	x			
385	Phẫu thuật lạnh điều trị các khối u nông	x			
386	Xạ trị buồng trứng trong ung thư vú	x	x		
387	Rửa âm đạo, cổ tử cung trước xạ trị	x	x		
388	Xạ phẫu u não bằng dao gamma quay	x	x		
389	Xạ phẫu u màng não bằng dao gamma quay	x	x		
390	Xạ phẫu u màng não thất bằng dao gamma quay	x	x		
391	Xạ phẫu u thân não bằng dao gamma quay	x	x		
392	Xạ phẫu u tiểu não bằng dao gamma quay	x	x		
393	Xạ phẫu u tuyến yên bằng dao gamma quay	x	x		
394	Xạ phẫu u tuyến tùng bằng dao gamma quay	x	x		
395	Xạ phẫu u sọ hầu bằng dao gamma quay	x	x		
396	Xạ phẫu u hậu nhãn cầu bằng dao gamma quay	x	x		
397	Xạ phẫu dị dạng mạch máu não bằng dao gamma quay	x	x		
398	Xạ phẫu u nguyên bào mạch máu nội sọ bằng dao gamma quay	x	x		
399	Xạ phẫu u dây thần kinh sọ não bằng dao gamma quay	x	x		
400	Điều trị đau dây thần kinh số V nguyên phát bằng dao gamma quay	x	x		
401	Xạ phẫu u thần kinh khứu giác bằng dao gamma quay	x	x		

1. Định nghĩa "phức tạp": xâm lấn tạng lân cận/cần phải tạo hình/vi phẫu/can thiệp mạch máu.

Ung bướu

XIII. PHỤ SẢN

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. SẢN KHOA				
1	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cải răng lược	x	*	*	
2	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	x	x		
3	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	x	x		
4	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)	x	x		
5	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	x	x		
6	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	x	x		
7	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	x	x	x	
8	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)	x	x	x	
9	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp	x	x		
10	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	x	x		
11	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	x	x		
12	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	x	x	x	
13	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	x	x	x	
14	Phẫu thuật tổn thương đường tiêu hóa do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x		
15	Phẫu thuật tổn thương đường tiết niệu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x		
16	Phẫu thuật tổn thương mạch máu do tai biến phẫu thuật sản phụ khoa	x	x		
17	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	x	x		
18	Khâu tử cung do nạo thủng	x	x	x	
19	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	x	x		
20	Gây chuyển dạ bằng thuốc	x	x		

Phụ sản

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
21	Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm	x	x	x	
22	Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch	x	x	x	
23	Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa	x	x	x	
24	Đỡ đẻ ngôi ngược (*)	x	x	x	
25	Nội xoay thai	x	x	x	
26	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	x	x	x	
27	Forceps	x	x	x	
28	Giác hút	x	x	x	
29	Soi ối	x	x	x	
30	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
31	Thủ thuật cắt, kéo cổ tử cung xử trí bằng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	x	x	x	
32	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x	
33	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	x	x	x	x
34	Cắt và khâu tầng sinh môn	x	x	x	x
35	Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ	x	x	x	x
36	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau	x	x	x	x
37	Kiểm soát tử cung	x	x	x	x
38	Bóc rau nhân tạo	x	x	x	x
39	Kỹ thuật bấm ối	x	x	x	x
40	Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn	x	x	x	x
41	Khám thai	x	x	x	x
42	Nút mạch cầm máu trong sản khoa	x			
43	Sinh thiết gai rau	x			
44	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang	x	x		
45	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai	x	x		
46	Chọc ối điều trị đa ối	x	x		
47	Chọc ối làm xét nghiệm tế bào	x	x		
48	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	x	x	x	
49	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	x	x	x	

Phụ sản

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
50	Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút	x	x	x	
51	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	x	x	x	
52	Khâu vòng cổ tử cung	x	x	x	
53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	x	x	x	
54	Chích áp xe tầng sinh môn	x	x	x	
	B. PHỤ KHOA				
55	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu	x			
56	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu	x			
57	Phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung	x			
58	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	x			
59	Phẫu thuật cắt ung thư buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	x	x		
60	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng	x	x		
61	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	x	x		
62	Phẫu thuật Wertheim (cắt tử cung tận gốc + vét hạch)	x	x		
63	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	x	x		
64	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	x	x		
65	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	x	x		
66	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi	x	x		
67	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	x	x		
68	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	x	x		
69	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	x	x		
70	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	x	x	x	
71	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	x	x	x	
72	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x	
73	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x		
74	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	x	x		

Phụ sản

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
75	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	x	x		
76	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	x	x		
77	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	x	x		
78	Phẫu thuật nội soi treo buồng trứng	x	x		
79	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x		
80	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
81	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	x	x	x	
82	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x	
83	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	x	x	x	
84	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm	x	x		
85	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung	x	x		
86	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	x	x	x	
87	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	x	x		
88	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	x	x		
89	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ điều trị thai ngoài tử cung	x	x		
90	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	x	x	x	
91	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng	x	x	x	
92	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	x	x	x	
93	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	x	x	x	
94	Phẫu thuật nội soi tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng	x	x		
95	Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng	x	x		
96	Vi phẫu thuật tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng	x	x		
97	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)	x	x		
98	Phẫu thuật treo bàng quang và trực tràng sau mổ sa sinh dục	x			
99	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ	x	x		
100	Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu	x	x		
101	Phẫu thuật Crossen	x	x		

Phụ sản

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
102	Phẫu thuật Manchester	x	x		
103	Phẫu thuật Lefort	x	x		
104	Phẫu thuật Labhart	x	x		
105	Phẫu thuật treo tử cung	x	x		
106	Phẫu thuật tạo hình tử cung (Strassman, Jones)	x	x		
107	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	x	x		
108	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	x	x		
109	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	x	x		
110	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	x	x		
111	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	x	x		
112	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	x	x		
113	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	x	x		
114	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo	x	x		
115	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	x	x		
116	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	x	x		
117	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường bụng	x	x		
118	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo	x	x		
119	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần đường âm đạo kết hợp nội soi	x	x		
120	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	x	x		
121	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc	x	x		
122	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt Polip buồng tử cung	x	x		
123	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	x	x		
124	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	x	x		
125	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung	x	x		
126	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	x	x		
127	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
128	Nội soi buồng tử cung can thiệp	x	x		

Phụ sản

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
129	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	x	x		
130	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	x	x		
131	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	x	x		
132	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	x	x		
133	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	x	x		
134	Phẫu thuật TOT điều trị són tiểu	x	x		
135	Phẫu thuật TVT điều trị són tiểu	x	x		
136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	x	x	x	
137	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng	x	x		
138	Tiêm hóa chất tại chỗ điều trị chữa ở cổ tử cung	x	x		
139	Tiêm nhân Chorio	x	x		
140	Khoét chóp cổ tử cung	x	x		
141	Cắt cụt cổ tử cung	x	x		
142	Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện)	x	x		
143	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	x	x	x	
144	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
145	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	x	x	x	
146	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn	x	x	x	
147	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
148	Lấy dị vật âm đạo	x	x	x	
149	Khâu rách cùng đồ âm đạo	x	x	x	
150	Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn	x	x	x	
151	Chích áp xe tuyến Bartholin	x	x	x	
152	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	x	x	x	
154	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	x	x	x	
155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	x	x	x	
156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	x	x	x	
157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	x	x	x	

Phụ sản

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
158	Nạo hút thai trứng	x	x	x	
159	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	x	x	x	
160	Chọc dò túi cùng Douglas	x	x	x	
161	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ	x	x	x	
162	Chọc dẫn lưu dịch cổ tử cung trong ung thư buồng trứng	x	x	x	
163	Chích áp xe vú	x	x	x	
164	Khám nam khoa	x	x	x	
165	Khám phụ khoa	x	x	x	x
166	Soi cổ tử cung	x	x	x	x
167	Làm thuốc âm đạo	x	x	x	x
168	Cắt vú theo phương pháp Patey + vét hạch nách	x	x		
169	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách	x	x		
170	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	x	x		
171	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	x	x		
172	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	x	x		
173	Sinh thiết hạch gác (cửa) trong ung thư vú	x	x		
174	Cắt u vú lành tính	x	x	x	
175	Bóc nhân xơ vú	x	x	x	
176	Cắt âm hộ + vét hạch bẹn hai bên	x	x		
177	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	x	x	x	
	C. SƠ SINH				
178	Thay máu sơ sinh	x	x		
179	Khám mắt sơ sinh non tháng để tầm soát bệnh lý võng mạc	x	x		
180	Bơm Surfactant thay thế qua nội khí quản	x	x		
181	Nuôi dưỡng sơ sinh qua đường tĩnh mạch	x	x		
182	Laser điều trị bệnh lý võng mạc sơ sinh (ROP)	x	x		
183	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh	x	x		
184	Chọc dò màng bụng sơ sinh	x	x		
185	Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh	x	x	x	
186	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy	x	x	x	
187	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi)	x	x	x	

Phụ sản

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
188	Chọc dò tủy sống sơ sinh	X	X	X	
189	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn	X	X	X	
190	Truyền máu sơ sinh	X	X	X	
191	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	X	X	X	
192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	X	X	X	
193	Rửa dạ dày sơ sinh	X	X	X	
194	Ép tim ngoài lồng ngực	X	X	X	
195	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh	X	X	X	
196	Khám sơ sinh	X	X	X	X
197	Chăm sóc rốn sơ sinh	X	X	X	X
198	Tắm sơ sinh	X	X	X	X
199	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	X	X	X	X
200	Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh	X	X	X	X
201	Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh	X	X	X	X
202	Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh	X	X	X	X
	D. HỖ TRỢ SINH SẢN				
203	Hỗ trợ phôi nở	X			
204	Chọc hút noãn	X	X		
205	Chuyển phôi	X	X		
206	Nuôi cấy noãn chưa trưởng thành	X	X		
207	Nuôi cấy phôi	X	X		
208	Trữ lạnh phôi, noãn	X	X		
209	Rã đông phôi, noãn	X	X		
210	Trữ lạnh tinh trùng	X	X		
211	Rã đông tinh trùng	X	X		
212	Chọc hút tinh hoàn, mào tinh hoàn lấy tinh trùng	X	X		
213	Phẫu thuật lấy tinh trùng	X	X		
214	Tiêm tinh trùng vào bào tương của noãn (ICSI)	X	X		
215	Chuyển phôi, giao tử vào vòi tử cung (ZIFT, GIFT)	X	X		
216	Sinh thiết phôi chẩn đoán	X	X		

Phụ sản

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
217	Sinh thiết tinh hoàn, mào tinh	x	x		
218	Giảm thiểu phôi	x	x		
219	Lọc rửa tinh trùng	x	x	x	
220	Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI)	x	x	x	
	Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH				
221	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng	x	x		
222	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
223	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	x	x	x	
224	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
225	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang)	x	x	x	
226	Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang)	x	x	x	
227	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)	x	x	x	
228	Đặt và tháo dụng cụ tử cung	x	x	x	x
	E. PHÁ THAI				
229	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	x			
230	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước	x			
231	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	x	x		
232	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22	x	x		
233	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18	x	x		
234	Phá thai bệnh lý (bệnh lý mẹ, bệnh lý thai)	x	x		
235	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	x	x		
236	Hút thai có kiểm soát bằng nội soi	x	x		
237	Hút thai dưới siêu âm	x	x		
238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	
239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	x	x	x	
240	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ	x	x	x	
241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	x	x	x	x

Những kỹ thuật có dấu (*) chỉ định chuyển tuyến.

Phụ sản

XIV. MẮT

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
1	Phẫu thuật mổ bong võng mạc trên mắt độ cận, gần mù	x			
2	Phẫu thuật giảm áp hốc mắt (phá thành hốc mắt, mở rộng lỗ thị giác...)	x	x		
3	Vá võ xương hốc mắt (thành dưới, thành trong có hoặc không dùng sụn sườn)	x	x		
4	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, Phaco) có hoặc không đặt IOL trên mắt độ cận	x	x		
5	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (Phaco) có hoặc không đặt IOL	x	x		
6	Phẫu thuật glôcôm lần hai trở lên	x	x		
7	Phẫu thuật bong võng mạc tái phát	x			
8	Phẫu thuật ghép giác mạc lần hai trở lên	x			
9	Phẫu thuật phức tạp như: cataract bệnh lý trên trẻ quá nhỏ, người bệnh quá già, có bệnh tim mạch kèm theo	x	x		
10	Phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độ cận, gần mù	x			
11	Phẫu thuật bệnh võng mạc trẻ đẻ non	x			
12	Tháo dầu Silicon nội nhãn	x	x		
13	Bơm dầu Silicon, khí bổ sung sau PT cắt DK điều trị BVM	x			
14	Cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn	x	x		
15	Cắt dịch kính, bóc màng trước võng mạc	x			
16	Cắt dịch kính, khớ nội nhãn điều trị lỗ hoàng điểm	x			
17	Cắt dịch kính + laser nội nhãn + lấy dị vật nội nhãn	x	x		
18	Cắt dịch kính lấy ấu trùng sán trong buồng dịch kính	x	x		
19	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn	x	x		
20	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính	x	x		
21	Cắt dịch kính điều trị tồn lưu dịch kính nguyên thủy	x			
22	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	x	x		
23	Phẫu thuật bong võng mạc theo phương pháp kinh điển	x	x		
24	Tháo đại độn củng mạc	x	x		
25	Điều trị glôcôm bằng laser mỏng mắt chu biên	x	x		
26	Điều trị glôcôm bằng tạo hình mỏng mắt (Iridoplasty)	x	x		
27	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	x	x		
28	Điều trị glôcôm bằng quang đông thể mi	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
29	Điều trị một số bệnh vông mạc bằng laser (bệnh vông mạc tiểu đường, cao huyết áp, trẻ đẻ non...)	x	x		
30	Laser điều trị U nguyên bào vông mạc	x			
31	Lạnh đông điều trị ung thư vông mạc	x			
32	Mở bao sau đục bằng laser	x	x		
33	Điều trị laser hồng ngoại	x	x		
34	Laser excimer điều trị tật khúc xạ	x	x		
35	Laser femtosecond điều trị tật khúc xạ	x	x		
36	Laser femtosecond điều trị lão thị (PT: INTRACOR)	x	x		
37	Bóc biểu mô giác mạc (xâm nhập dưới vật) sau phẫu thuật Lasik	x	x		
38	Điều trị sẹo giác mạc bằng laser	x	x		
39	Phẫu thuật độn củng mạc bằng collagen điều trị cận thị	x	x		
40	Rạch giác mạc điều chỉnh loạn thị	x			
41	Lấy thể thủy tinh sa, lệch bằng phương pháp phaco, phối hợp cắt dịch kính có hoặc không đặt IOL	x			
42	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x		
43	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL	x	x		
44	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	x	x		
45	Phẫu thuật thể thủy tinh bằng phaco và femtosecond có hoặc không đặt IOL	x	x		
46	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	x	x		
47	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL có hoặc không cắt DK	x	x		
48	Đặt IOL trên mắt cận thị (Phakic)	x	x		
49	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	x	x		
50	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	x	x		
51	Mở bao sau bằng phẫu thuật	x	x		
52	Cắt chỉ bằng laser	x	x		
53	Ghép giác mạc xuyên	x	x		
54	Ghép giác mạc lớp	x	x		
55	Ghép giác mạc có vành củng mạc	x	x		
56	Ghép giác mạc tự thân	x	x		
57	Ghép nội mô giác mạc	x			
58	Ghép củng mạc	x	x		
59	Ghép giác mạc nhân tạo	x			

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
60	Ghép vòng căng/hoặc thấu kính trong nhu mô giác mạc	x	x		
61	Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống Silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x		
62	Nối thông lệ mũi nội soi	x	x		
63	Phẫu thuật mở rộng điểm lệ	x	x		
64	Phẫu thuật đặt ống Silicon lệ quản - ống lệ mũi	x	x		
65	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x		
66	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	x	x		
67	Phẫu thuật ghép màng sinh học bề mặt nhãn cầu	x			
68	Gọt giác mạc đơn thuần	x	x		
69	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thùng giác mạc	x	x		
70	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối	x	x		
71	Lấy dị vật hốc mắt	x	x		
72	Lấy dị vật trong củng mạc	x	x		
73	Lấy dị vật tiền phòng	x	x		
74	Lấy dị vật nội nhãn bằng nam châm	x	x		
75	Cắt móng mắt quang học có hoặc không tách dính phức tạp	x	x		
76	Vá da, niêm mạc tạo củng đồ có hoặc không tách dính mi cầu	x	x		
77	Cố định màng xương tạo củng đồ	x	x		
78	Cố định bao Tenon tạo củng đồ dưới	x	x		
79	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	x	x		
80	Sinh thiết tổ chức mi	x	x		
81	Sinh thiết tổ chức hốc mắt	x	x		
82	Sinh thiết tổ chức kết mạc	x	x	x	
83	Cắt u da mi không ghép	x	x	x	
84	Cắt u mi cả bề dày không ghép	x	x		
85	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x		
86	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x		
87	Cắt u mi cả bề dày ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	x	x		
88	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	x	x		
89	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	x	x		
90	Cắt u tiền phòng	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
91	Cắt u hậu phòng	x			
92	Tiêm coctison điều trị u máu	x	x		
93	Điều trị u máu bằng hóa chất	x	x		
94	Áp lạnh điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x		
95	Laser điều trị u máu mi, kết mạc, hốc mắt	x	x		
96	Cắt u hốc mắt có hoặc không mở xương hốc mắt	x	x		
97	Nạo vét tổ chức hốc mắt	x	x		
98	Chích mỡ hốc mắt	x	x		
99	Ghép mỡ điều trị lõm mắt	x	x		
100	Đặt sụn sườn vào dưới màng xương điều trị lõm mắt	x	x		
101	Đặt bản Silicon điều trị lõm mắt	x	x		
102	Nâng sàn hốc mắt	x	x		
103	Tạo hình hốc mắt trong tật không nhãn cầu để lắp mắt giả	x	x		
104	Tái tạo cùng đồ	x	x		
105	Cố định tuyến lệ chính điều trị sa tuyến lệ chính	x	x		
106	Đóng lỗ dò đường lệ	x	x	x	
107	Tạo hình đường lệ có hoặc không điểm lệ	x	x		
108	Phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, Faden...)	x	x		
109	Phẫu thuật lác thông thường	x	x		
110	Phẫu thuật lác có chỉnh chỉ	x	x		
111	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	x	x		
112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi	x	x	x	
113	Chỉnh chỉ sau mổ lác	x	x		
114	Phẫu thuật đính chỗ bám cơ vào dây chằng mi điều trị lác liệt	x	x		
115	Sửa sẹo sau mổ lác	x	x		
116	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mi	x	x		
117	Điều trị lác bằng thuốc (botox, dysport...)	x	x		
118	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
119	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	x	x		
120	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng Silicon, cân cơ đuôi...) điều trị sụp mi	x	x		
121	Phẫu thuật hạ mi trên (chỉnh chỉ, lùi cơ nâng mi...)	x	x		
122	Cắt cơ Muller	x	x		
123	Lùi cơ nâng mi	x	x		
124	Vá da tạo hình mi	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
125	Phẫu thuật tạo hình nếp mí	x	x		
126	Phẫu thuật tạo hình hạ thấp hay nâng nếp mí	x	x		
127	Phẫu thuật lấy mỡ dưới da mí (trên, dưới, 2 mí)	x	x		
128	Kéo dài cân cơ nâng mí	x	x		
129	Ghép da hay vạt da điều trị hở mí do sẹo	x	x		
130	Phẫu thuật làm hẹp khe mí, rút ngắn dây chằng mí ngoài, mí trong điều trị hở mí do liệt dây VII	x	x		
131	Phẫu thuật cắt cơ Muller có hoặc không cắt cân cơ nâng mí điều trị hở mí	x	x		
132	Phẫu thuật điều trị lật mí dưới có hoặc không ghép	x	x		
133	Sửa sẹo xấu vùng quanh mí	x	x		
134	Di thực hàng lông mí	x	x		
135	Phẫu thuật Epicanthus	x	x		
136	Phẫu thuật mở rộng khe mí	x	x		
137	Phẫu thuật hẹp khe mí	x	x		
138	Lấy da mí sa (mí trên, mí dưới, 2 mí) có hoặc không lấy mỡ dưới da mí	x	x		
139	Điều trị co giật mí, co quắp mí, cau mày, nếp nhăn da mí bằng thuốc (botox, dysport...), laser	x	x		
140	Rút ngắn góc trong mắt (phẫu thuật Y-V có hoặc không rút ngắn dây chằng mí trong)	x	x		
141	Điều trị di lệch góc mắt	x	x		
142	Phẫu thuật Doenig	x	x		
143	Phẫu thuật điều trị bong hắc mạc: Chọc hút dịch bong dưới hắc mạc, bơm hơi tiền phòng	x	x		
144	Lạnh đông đơn thuần phòng bong võng mạc	x	x		
145	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên	x	x		
146	Tạo hình móng mắt (khâu móng mắt, chân móng mắt...)	x	x		
147	Cắt bề sử dụng thuốc chống chuyển hóa hoặc chất antiVEGF	x	x		
148	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	x	x		
149	Mở góc tiền phòng	x	x		
150	Mở bề có hoặc không cắt bề	x	x		
151	Đặt ống Silicon tiền phòng điều trị glôcôm	x	x		
152	Đặt ống tiền phòng điều trị glôcôm (Đặt shunt mini Express)				
153	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
154	Rút van dẫn lưu, ống Silicon tiền phòng	x	x		
155	Sửa vá seo bong bằng kết mạc, màng ối, củng mạc	x	x		
156	Sửa seo bong bằng kim (Phẫu thuật needling)				
157	Chọc hút dịch kính, tiền phòng lấy bệnh phẩm	x	x		
158	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)	x	x		
159	Tiêm nhu mô giác mạc	x	x		
160	Áp tia beta điều trị các bệnh lý kết mạc	x	x		
161	Tập nhược thị	x	x	x	
162	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	x	x		
163	Rửa chất nhân tiền phòng	x	x		
164	Cắt bỏ túi lệ	x	x	x	
165	Phẫu thuật mộng đơn thuần	x	x	x	
166	Lấy dị vật giác mạc sâu	x	x	x	
167	Cắt bỏ chấp có bọc	x	x	x	
168	Khâu cò mi, tháo cò	x	x	x	
169	Chích dẫn lưu túi lệ	x	x	x	
170	Phẫu thuật lác người lớn	x	x	x	
171	Khâu da mi đơn giản	x	x	x	
172	Khâu phục hồi bờ mi	x	x	x	
173	Ghép da dị loại	x			
174	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	x	x	x	
175	Khâu phủ kết mạc	x	x	x	
176	Khâu giác mạc	x	x	x	
177	Khâu củng mạc	x	x	x	
178	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	x	x	x	
179	Khâu lại mép mỡ giác mạc, củng mạc	x	x		
180	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	x	x	x	
181	Lạnh đông thể mi	x	x	x	
182	Điện đông thể mi	x	x	x	
183	Bơm hơi/khí tiền phòng	x	x	x	
184	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	x	x	x	
185	Mức nội nhãn	x	x	x	
186	Cắt thị thần kinh	x	x	x	
187	Phẫu thuật quặm	x	x	x	
188	Phẫu thuật quặm tái phát	x	x		

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
189	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)	x	x		
190	Nhuộm giác mạc thẩm mỹ	x	x	x	
191	Mỏ quặm bẩm sinh	x	x	x	
192	Cắt chỉ khâu giác mạc	x	x	x	
193	Tiêm dưới kết mạc	x	x	x	
194	Tiêm cạnh nhãn cầu	x	x	x	
195	Tiêm hậu nhãn cầu	x	x	x	
196	Tiêm nội mô giác mạc	x	x		
197	Bơm thông lệ đạo	x	x	x	
198	Lấy máu làm huyết thanh	x	x	x	
199	Điện di điều trị	x	x	x	
200	Lấy dị vật kết mạc	x	x	x	x
201	Khâu kết mạc	x	x	x	x
202	Lấy calci kết mạc	x	x	x	x
203	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	x	x	x	x
204	Cắt chỉ khâu kết mạc	x	x	x	x
205	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	x	x	x	x
206	Bơm rửa lệ đạo	x	x	x	x
207	Chích chắp, leo, nang lông mi; chích áp xe mi, kết mạc	x	x	x	x
208	Thay băng vô khuẩn	x	x	x	x
209	Tra thuốc nhỏ mắt	x	x	x	x
210	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	x	x	x	x
211	Rửa cùng đồ	x	x	x	x
212	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	x	x	x	x
213	Bóc sợi giác mạc (Viêm giác mạc sợi)	x	x	x	
214	Bóc giả mạc	x	x	x	
215	Rạch áp xe mi	x	x	x	
216	Rạch áp xe túi lệ	x	x	x	
217	Đặt kính áp tròng điều trị: tật khúc xạ, giác mạc hình chóp, bệnh lý bề mặt giác mạc	x	x	x	
218	Soi đáy mắt trực tiếp	x	x	x	x
219	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	x	x	x	
220	Soi đáy mắt bằng Schepens	x	x	x	
221	Soi góc tiền phòng	x	x	x	
222	Theo dõi nhãn áp 3 ngày	x	x	x	x

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
223	Khám lâm sàng mắt	x	x	x	x
224	Đo thị giác tương phản	x	x		
225	Gây mê để khám	x	x	x	
	Ung bướu				
226	Cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ	x			
227	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	x	x		
228	Cắt ung thư hốc mắt đã xâm lấn các xoang: xoang hàm, xoang sàng	x	x		
	Tạo hình				
229	Phẫu thuật lấy mỡ mi mắt trên, dưới và tạo hình 2 mi	x	x	x	
230	Phẫu thuật phục hồi trệ mi dưới	x	x		
231	Phẫu thuật chuyển gân điều trị mắt hử mi (2 mắt)	x	x		
232	Lắp mắt giả trong bộ phận giả tái tạo khuyết hồng hàm mắt	x	x		
233	Phẫu thuật tạo nếp mi	x	x	x	
234	Phẫu thuật điều trị hử mi	x	x		
235	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả	x	x		
236	Phẫu thuật tạo hình mi	x	x	x	
237	Phẫu thuật tạo mí 2 mắt (xẻ đôi mí)	x	x		
	Chẩn đoán hình ảnh				
238	Chụp khu trú dị vật nội nhãn	x	x		
239	Chụp lỗ thị giác	x	x	x	
240	Siêu âm mắt (siêu âm thường qui)	x	x	x	
241	Đo lưu huyết mạch máu đáy mắt bằng dople	x	x		
242	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu	x	x		
243	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu	x	x		
244	Chụp đáy mắt không huỳnh quang	x	x		
245	Chụp đáy mắt RETCAM	x	x		
246	Chụp mạch với ICG	x	x		
247	Đo lưu huyết mạch máu đáy mắt bằng dople màu	x	x		
248	Chụp đĩa thị 3D	x	x		
249	Siêu âm bán phần trước	x	x		
	Thăm dò chức năng và xét nghiệm				
250	Test thử cảm giác giác mạc	x	x	x	
251	Test phát hiện khô mắt	x	x	x	
252	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	x	x	x	

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
253	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm	x	x	x	
254	Đo thị trường chu biên	x	x	x	
255	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	x	x	x	
256	Đo sắc giác	x	x	x	
257	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	x	x	x	
258	Đo khúc xạ máy	x	x	x	
259	Đo khúc xạ giác mạc Javal	x	x	x	
260	Đo thị lực	x	x	x	x
261	Thử kính	x	x	x	
262	Đo độ lác	x	x	x	
263	Xác định sơ đồ song thị	x	x	x	
264	Đo biên độ điều tiết	x	x	x	
265	Đo thị giác 2 mắt	x	x	x	
266	Đo độ sâu tiền phòng	x	x	x	
267	Đo đường kính giác mạc	x	x	x	
268	Đo độ dày giác mạc	x	x		
269	Đếm tế bào nội mô giác mạc	x	x		
270	Chụp bản đồ giác mạc	x	x		
271	Đo độ bền cơ sinh học giác mạc (Đo ORA)	x	x		
272	Điện châm kích thích	x	x		
273	Điện võng mạc	x	x		
274	Điện nhãn cầu	x	x		
275	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm	x	x	x	
276	Đo độ lồi	x	x	x	
277	Test thử nhược cơ	x	x		
278	Test kéo cơ cưỡng bức	x	x		
279	Hóa sinh (Thủy dịch mắt)	x	x		
280	Định lượng Globulin	x	x		
281	Định lượng Albumin	x	x		
282	Định lượng Vitamin	x	x		
283	Định lượng Cholesterol	x	x		
284	Định lượng LDH	x	x		
285	Xét nghiệm tỷ trọng	x	x		
286	Xét nghiệm pH	x	x		
287	Định lượng kháng thể	x	x		

XV. TAI - MŨI - HỌNG

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. TAI - TAI THẦN KINH				
1	Cấy điện cực ốc tai (Cấy ốc tai điện tử)	x	x		
2	Phẫu thuật cấy máy trợ thính đường xương (BAHA)	x	x		
3	Phẫu thuật đặt điện cực tai giữa	x	x		
4	Phẫu thuật khoét mê nhĩ	x	x		
5	Phẫu thuật mở túi nội dịch	x	x		
6	Phẫu thuật điều trị rò mê nhĩ	x	x		
7	Phẫu thuật điều trị rò dịch não tủy ở tai	x	x		
8	Phẫu thuật vùng đỉnh xương đá	x	x		
9	Phẫu thuật cắt u dây thần kinh VII	x	x		
10	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây VII	x	x		
11	Phẫu thuật giảm áp dây VII	x	x		
12	Phẫu thuật cắt u dây thần kinh VIII	x	x		
13	Phẫu thuật cắt dây thần kinh tiền đình	x	x		
14	Phẫu thuật dẫn lưu não thất	x	x		
15	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe não do tai	x	x		
16	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não	x	x		
17	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm tắc tĩnh mạch bên	x	x		
18	Phẫu thuật xương chũm trong áp xe não do tai	x	x		
19	Phẫu thuật thay thế xương bàn đạp	x	x		
20	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần	x	x		
21	Phẫu thuật tiết căn xương chũm	x	x		
22	Phẫu thuật nội soi tiết căn xương chũm	x	x		
23	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên	x	x		
24	Phẫu thuật nội soi tiết căn xương chũm cải biên	x	x		
25	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa	x	x		
26	Phẫu thuật chỉnh hình hốc mỏ tiết căn xương chũm	x	x		
27	Mở sào bào	x	x		
28	Mở sào bào - thượng nhĩ	x	x		
29	Mở sào bào thượng nhĩ - vạ nhĩ	x	x		
30	Phẫu thuật tạo hình tai giữa	x	x		
31	Chỉnh hình tai giữa có tái tạo chuỗi xương con	x	x		
32	Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con	x	x		

Tai - Mũi - Họng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
33	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/lấy dị vật	x	x	x	
34	Vá nhĩ đơn thuần	x	x	x	
35	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	x	x	x	
36	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ	x	x		
37	Phẫu thuật chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV	x	x		
38	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV	x	x		
39	Phẫu thuật lấy u thần kinh thính giác đường xuyên mê nhĩ	x	x		
40	Phẫu thuật cắt bỏ u cuộn cảnh	x	x		
41	Phẫu thuật tạo hình ống tai ngoài thiếu sản	x	x		
42	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài	x	x		
43	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài	x	x		
44	Mở lại hốc mổ giải quyết các biến chứng sau phẫu thuật	x	x		
45	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai/u bã đậu dai tai	x	x	x	
46	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	x	x	x	
47	Cắt bỏ vành tai thừa	x	x	x	
48	Đặt ống thông khí màng nhĩ	x	x	x	
49	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	x	x	x	
50	Chích rạch màng nhĩ	x	x	x	
51	Khâu vết rạch vành tai	x	x	x	
52	Bơm hơi vôi nhĩ	x	x	x	
53	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	x	x	x	
54	Lấy dị vật tai (gây mê/gây tê)	x	x	x	
55	Nội soi lấy dị vật tai gây mê	x	x	x	
56	Chọc hút dịch vành tai	x	x	x	x
57	Chích nhọt ống tai ngoài	x	x	x	x
58	Làm thuốc tai	x	x	x	x
59	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	x	x	x	x
	B. MŨI - XOANG				
60	Phẫu thuật cắt thần kinh Vidienne	x	x		
61	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh Vidienne	x	x		
62	Phẫu thuật nội soi vùng chân bướm hàm	x	x		
63	Phẫu thuật vùng hố dưới thái dương	x	x		
64	Phẫu thuật nội soi thắt/đốt động mạch bướm khẩu cái	x	x		
65	Phẫu thuật thắt động mạch hàm trong	x	x		
66	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch hàm trong	x	x		

Tai - Mũi - Họng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
67	Phẫu thuật thắt động mạch sàng	x	x		
68	Phẫu thuật nội soi thắt động mạch sàng	x	x		
69	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe ổ mắt	x	x		
70	Phẫu thuật nội soi giảm áp ổ mắt	x	x		
71	Phẫu thuật nội soi giảm áp thần kinh thị giác	x	x		
72	Phẫu thuật bíт lấp rò dịch não tủy ở mũi	x	x		
73	Phẫu thuật nội soi bíт lấp rò dịch não tủy ở mũi	x	x		
74	Phẫu thuật xoang trán đường ngoài (phẫu thuật Jacques)	x	x		
75	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	x	x		
76	Phẫu thuật nạo sàng hàm	x	x	x	
77	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	x	x	x	
78	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	x	x	x	
79	Phẫu thuật nội soi mở xoang bướm	x	x	x	
80	Cắt Polyp mũi	x	x	x	
81	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi	x	x	x	
82	Phẫu thuật cắt polyp mũi bằng Laser	x	x		
83	Phẫu thuật nội soi mở khe giữa	x	x	x	
84	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	x	x		
85	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang	x	x	x	
86	Phẫu thuật cắt u nang răng sinh/u nang sàn mũi	x	x	x	
87	Phẫu thuật ung thư sàng hàm	x	x		
88	Phẫu thuật cắt phần giữa xương hàm trong ung thư sàng hàm	x	x		
89	Phẫu thuật ung thư sàng hàm phối hợp nội soi	x	x		
90	Phẫu thuật mở cạnh mũi	x	x		
91	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang	x	x		
92	Phẫu thuật cắt u xơ mạch vòm họng theo đường ngoài	x	x		
93	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ mạch vòm mũi họng	x	x		
94	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	x	x		
95	Phẫu thuật nội soi cắt u tuyến yên qua đường mũi	x	x		
96	Phẫu thuật nội soi cắt u thần kinh khứu giác	x	x		
97	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	x	x		
98	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	x	x	x	
99	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	x	x	x	
100	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng Laser	x	x		
101	Phẫu thuật tịt lỗ mũi sau bẩm sinh	x	x		

Tai - Mũi - Họng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
102	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang	x	x		
103	Phẫu thuật cắt Concha Bullosa cuốn mũi	x	x		
104	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	x	x	x	
105	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	x	x	x	
106	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	x	x	x	
107	Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần (Coblator)	x	x	x	
108	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng Laser	x	x	x	
109	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	x	x	x	
110	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	x	x	x	
111	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	x	x	x	
112	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	x	x	x	
113	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	x	x		
114	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	x	x		
115	Khoan xoang trán	x	x		
116	Phẫu thuật vỡ xoang hàm	x	x		
117	Phẫu thuật mở xoang hàm	x	x		
118	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng - hàm	x	x		
119	Phẫu thuật chỉnh hình ổ mắt	x	x		
120	Phẫu thuật chỉnh hình xương hàm trên	x	x		
121	Phẫu thuật chấn thương xương gò má	x	x		
122	Phẫu thuật chấn thương khối mũi sàng	x	x		
123	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	x	x		
124	Phẫu thuật kết hợp xương trong chấn thương sọ mặt	x	x		
125	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	x	x	x	
126	Phẫu thuật nội soi nong - dẫn lưu túi lệ	x	x		
127	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	x	x	x	
128	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	x	x	x	
129	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm gây tê/gây mê	x	x	x	
130	Đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
131	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	x	x	x	
132	Bẻ cuốn mũi	x	x	x	
133	Nội soi bẻ cuốn mũi dưới	x	x	x	
134	Nâng xương chỉnh mũi sau chấn thương	x	x	x	
135	Sinh thiết hốc mũi	x	x	x	
136	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	x	x	x	

Tai - Mũi - Họng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
137	Nội soi sinh thiết u vòm	x	x	x	
138	Chọc rửa xoang hàm	x	x	x	
139	Phương pháp Proetz	x	x	x	
140	Nhét bắc mũi sau	x	x	x	
141	Nhét bắc mũi trước	x	x	x	
142	Cầm máu mũi bằng Merocel	x	x	x	
143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
144	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	x	x	x	
145	Cầm máu điểm mạch mũi bằng hóa chất (Bạc Nitrat)	x	x	x	x
146	Rút meche, rút merocel hốc mũi	x	x	x	x
147	Hút rửa mũi, xoang sau mũi	x	x	x	x
	C. HỌNG - THANH QUẢN				
148	Phẫu thuật chỉnh hình họng màn hầu lưỡi gà (UPPP)	x	x		
149	Phẫu thuật cắt Amidan gây mê	x	x	x	
150	Phẫu thuật cắt amidan bằng Coblator	x	x	x	
151	Phẫu thuật cắt u Amydal	x	x		
152	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amygdale (gây mê)	x	x	x	
153	Nạo VA	x	x	x	
154	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	x	x	x	
155	Phẫu thuật nạo V.A nội soi	x	x		
156	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Coblator (gây mê)	x	x	x	
157	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng Microdebrider (Hummer) (gây mê)	x	x	x	
158	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	x	x		
159	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/hố lưỡi thanh thiệt	x	x		
160	Phẫu thuật dính mép trước dây thanh	x	x		
161	Phẫu thuật nội soi tách dính dây thanh	x	x		
162	Phẫu thuật nội soi bơm dây thanh (mỡ/Teflon...)	x	x		
163	Phẫu thuật chỉnh hình thanh quản điều trị liệt dây thanh	x	x		
164	Phẫu thuật điều trị liệt cơ mở thanh quản hai bên	x	x		
165	Phẫu thuật treo sụn phễu	x	x		
166	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/polyp/hạt xơ/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	x	x	x	
167	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/polyp/hạt xơ/u hạt dây thanh bằng ống soi mềm gây tê	x	x		

Tai - Mũi - Họng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
168	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papiloma, kén hơi thanh quản,...) (gây tê/gây mê)	x	x		
169	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Microdebrider (Hummer)	x	x	x	
170	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng Laser	x	x	x	
171	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư thanh quản bằng Laser	x	x		
172	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh	x	x		
173	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh bằng laser	x	x		
174	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/gây mê)	x	x	x	
175	Phẫu thuật mở khí quản thể khó (trẻ sơ sinh, sau xạ trị, u vùng cổ, K tuyến giáp,...)	x	x		
176	Phẫu thuật nội soi cắt u khí quản ống cứng gây tê/gây mê	x	x		
177	Phẫu thuật nội soi cắt u khí quản ống mềm gây tê/gây mê	x	x		
178	Phẫu thuật nội soi cắt u phế quản ống cứng gây tê/gây mê	x	x		
179	Phẫu thuật nội soi cắt u phế quản ống mềm gây tê/gây mê	x	x		
180	Phẫu thuật nong hẹp thanh khí quản có stent	x	x		
181	Phẫu thuật nong hẹp thanh khí quản không có stent	x	x		
182	Phẫu thuật nội soi nong hẹp thanh khí quản có stent	x	x		
183	Phẫu thuật nội soi nong hẹp thanh khí quản không có stent	x	x		
184	Phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp thanh khí quản bằng đặt ống nong	x	x		
185	Phẫu thuật chỉnh hình sẹo hẹp thanh khí quản bằng mảnh ghép sụn	x	x		
186	Nội khí quản tận - tận	x	x		
187	Phẫu thuật trong mềm sụn thanh quản	x	x		
188	Kỹ thuật đặt van phát âm	x	x		
189	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản	x	x		
190	Phẫu thuật chỉnh hình thanh quản sau chấn thương	x	x		
191	Phẫu thuật chỉnh hình khí quản sau chấn thương	x	x		
192	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình khí quản sau chấn thương	x	x		
193	Nội soi nong hẹp thực quản	x	x		
194	Phẫu thuật cắt u sàn miệng	x	x	x	
195	Phẫu thuật cắt u vùng niêm mạc má	x	x	x	
196	Phẫu thuật cắt u lưỡi (phần lưỡi di động)	x	x		
197	Phẫu thuật cắt một phần đáy lưỡi	x	x		
198	Nội soi nong hẹp thực quản có stent	x	x		
199	Nội soi bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản	x	x		

Tai - Mũi - Họng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
200	Nội soi bơm rửa khí phế quản	x	x		
201	Phẫu thuật Laser điều trị Amygdale hốc mũi	x	x		
202	Phẫu thuật Laser cắt u nang lành tính đáy lưỡi, hạ họng, màn hầu, Amygdale	x	x		
203	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản	x	x		
204	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	x	x	x	
205	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	x	x	x	
206	Chích áp xe sàn miệng	x	x	x	
207	Chích áp xe quanh Amidan	x	x	x	
208	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amygdale, Nạo VA	x	x	x	
209	Cắt phanh lưỡi	x	x	x	
210	Sinh thiết u hạ họng	x	x	x	
211	Sinh thiết u họng miệng	x	x	x	
212	Lấy dị vật họng miệng	x	x	x	x
213	Lấy dị vật hạ họng	x	x	x	
214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	x	x	x	
215	Đốt họng hạt bằng nhiệt	x	x	x	x
216	Áp lạnh họng hạt (Nito, CO ₂ lỏng)	x	x	x	x
217	Áp lạnh Amidan (Nito, CO ₂ lỏng)	x	x	x	x
218	Bơm thuốc thanh quản	x	x	x	
219	Đặt nội khí quản	x	x	x	
220	Thay canuyn	x	x	x	
221	Sơ cứu bóng đường hô hấp	x	x	x	x
222	Khí dung mũi họng	x	x	x	x
223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	x	x	x	
224	Phẫu thuật chỉnh hình lỗ mở khí quản	x	x	x	
225	Nội soi hoạt nghiệm thanh quản	x	x	x	
226	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	x	x	x	
227	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x	x	
228	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
229	Nội soi hạ họng ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x	x	
230	Nội soi hạ họng ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x	
231	Nội soi hạ họng ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x	x	
232	Nội soi thực quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x	x	
233	Nội soi thực quản ống mềm chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x	x	

Tai - Mũi - Họng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
234	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
235	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
236	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x	
237	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x	
238	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	x	x	x	
239	Nội soi thanh quản ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x	x	
240	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x	x	
241	Nội soi thanh quản ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x	x	
242	Nội soi thanh quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x	x	
243	Nội soi thanh quản ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x	x	
244	Nội soi khí quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x		
245	Nội soi khí quản ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x		
246	Nội soi khí quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x		
247	Nội soi khí quản ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x		
248	Nội soi khí quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x		
249	Nội soi khí quản ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x		
250	Nội soi phế quản ống cứng chẩn đoán gây tê/gây mê	x	x		
251	Nội soi phế quản ống mềm chẩn đoán gây tê	x	x		
252	Nội soi phế quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	x	x		
253	Nội soi phế quản ống mềm lấy dị vật gây tê	x	x		
254	Nội soi phế quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	x	x		
255	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết u gây tê	x	x		
	D. ĐẦU CỔ				
256	Phẫu thuật khâu nối thần kinh ngoại biên vùng mặt cổ	x	x		
257	Phẫu thuật thắt động mạch cảnh ngoài	x	x		
258	Phẫu thuật thắt tĩnh mạch cảnh trong	x	x		
259	Phẫu thuật chấn thương mạch máu vùng cổ	x	x		
260	Phẫu thuật phục hồi, tái tạo dây thần kinh VII (đoạn ngoài sọ)	x	x		
261	Phẫu thuật nối dây thần kinh VII trong xương chũm	x	x		
262	Phẫu thuật vùng chân bướm hàm	x	x		
263	Phẫu thuật cắt u đáy lưỡi/hạ họng theo đường mở xương hàm dưới có tái tạo	x	x		
264	Phẫu thuật cắt u đáy lưỡi/hạ họng theo đường mở xương hàm dưới không có tái tạo	x	x		
265	Phẫu thuật cắt u hạ họng/đáy lưỡi theo đường trên xương móng	x	x		

Tai - Mũi - Họng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
266	Phẫu thuật tạo hình họng - màn hầu bằng vật cơ - niêm mạc thành sau họng	x	x		
267	Phẫu thuật phục hồi tổn thương phức tạp miệng, họng bằng vật cân cơ	x	x		
268	Phẫu thuật tạo hình họng - màn hầu sau cắt u ác tính	x	x		
269	Phẫu thuật tạo hình lưỡi sau cắt u ác tính	x	x		
270	Phẫu thuật tạo hình họng - thực quản sau cắt u ác tính	x	x		
271	Phẫu thuật cắt hạ họng bán phần	x	x		
272	Phẫu thuật cắt hạ họng - thanh quản bán phần có tạo hình	x	x		
273	Phẫu thuật cắt hạ họng - thanh quản toàn phần	x	x		
274	Phẫu thuật cắt thanh quản toàn phần	x	x		
275	Phẫu thuật cắt thanh quản bán phần đứng	x	x		
276	Phẫu thuật cắt thanh quản bán phần ngang trên thanh môn	x	x		
277	Phẫu thuật cắt bán phần thanh quản trên nhả kiểu CHEP	x	x		
278	Phẫu thuật mở sụn giáp cắt dây thanh	x	x		
279	Nạo vét hạch cổ tiết căn	x	x		
280	Nạo vét hạch cổ chọn lọc	x	x		
281	Nạo vét hạch cổ chức năng	x	x		
282	Phẫu thuật cắt thùy nông tuyến mang tai - bảo tồn dây VII	x	x		
283	Phẫu thuật cắt tuyến mang tai có hoặc không bảo tồn dây VII	x	x		
284	Phẫu thuật cắt tuyến dưới hàm	x	x		
285	Phẫu thuật cắt tuyến giáp toàn phần	x	x		
286	Phẫu thuật cắt tuyến giáp gần toàn phần	x	x		
287	Phẫu thuật cắt thùy giáp	x	x		
288	Phẫu thuật cắt mô mỡ trâm theo đường miệng	x	x		
289	Phẫu thuật khối u khoảng bên họng	x	x		
290	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe	x	x		
291	Phẫu thuật rò sống mũi	x	x		
292	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi	x	x		
293	Phẫu thuật rò khe mang I	x	x		
294	Phẫu thuật rò khe mang I có bộc lộ dây VII	x	x		
295	Phẫu thuật lấy nang rò khe mang II	x	x		
296	Phẫu thuật rò xoang lê	x	x		
297	Phẫu thuật túi thừa Zenker	x	x		
298	Phẫu thuật cắt kén hơi thanh quản	x	x		

Tai - Mũi - Họng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
		3			
1	2	A	B	C	D
299	Phẫu thuật mở lại hốc mổ cầm máu sau phẫu thuật vùng đầu cổ	x	x	x	
300	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	x	x	x	
301	Khâu vết thương đơn giản vùng đầu, mặt, cổ	x	x	x	x
302	Cắt chỉ sau phẫu thuật	x	x	x	x
303	Thay băng vết mổ	x	x	x	x
304	Chích áp xe nhỏ vùng đầu cổ	x	x	x	x
	D. PHẪU THUẬT TẠO HÌNH - THẨM MỸ				
305	Phẫu thuật thẩm mỹ cấy ghép tóc	x	x		
306	Phẫu thuật thẩm mỹ căng da trán	x	x		
307	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cung lông mày	x	x		
308	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng sống mũi lõm bằng vật liệu ghép tự thân	x	x		
309	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng sống mũi lõm bằng vật liệu ghép tổng hợp	x	x		
310	Phẫu thuật thẩm mỹ hạ sống mũi gồ	x	x		
311	Phẫu thuật thẩm mỹ sống mũi lệch vẹo	x	x		
312	Phẫu thuật thẩm mỹ thu nhỏ cánh mũi	x	x		
313	Phẫu thuật thẩm mỹ mở rộng cánh mũi	x	x		
314	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cao chóp mũi	x	x		
315	Phẫu thuật thẩm mỹ làm ngắn mũi	x	x		
316	Phẫu thuật thẩm mỹ làm dài mũi/xóa bỏ mũi hếch	x	x		
317	Phẫu thuật thẩm mỹ nâng cánh mũi xệ	x	x		
318	Phẫu thuật tạo hình cánh mũi bằng vật da	x	x		
319	Phẫu thuật tạo hình chóp mũi bằng vật da	x	x		
320	Phẫu thuật tạo hình tháp mũi bằng vật liệu ghép tự thân	x	x		
321	Nắn chỉnh hình tháp mũi sau chấn thương				
322	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp cửa mũi trước	x	x		
323	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp/tịt cửa mũi sau	x	x		
324	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí	x	x		
325	Phẫu thuật cắt bỏ các túi mỡ mí mắt	x	x		
326	Phẫu thuật cắt bỏ da thừa mí mắt	x	x		
327	Phẫu thuật tái tạo hình tổn thương mất chất vùng mặt bằng vật da, cân cơ, xương	x	x		
328	Phẫu thuật tạo hình tổn thương mất chất vùng mặt bằng mảnh ghép tự do da, cân cơ, xương	x	x		
329	Phẫu thuật tạo hình mặt do liệt dây VII	x	x		

Tai - Mũi - Họng

TT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến kỹ thuật			
1	2	3			
		A	B	C	D
330	Phẫu thuật tạo hình vùng mặt thiếu sán	x	x		
331	Phẫu thuật cắt u da vùng mặt	x	x		
332	Phẫu thuật sửa sẹo xấu vùng cổ, mặt bằng vật da	x	x		
333	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cổ	x	x		
334	Phẫu thuật căng da cổ	x	x		
335	Phẫu thuật tạo hình vá khe hở vòm miệng bằng vật tại chỗ	x	x		
336	Phẫu thuật tạo hình khe hở vòm miệng bằng vật thành sau họng	x	x		
337	Phẫu thuật tạo hình khe hở môi	x	x		
338	Phẫu thuật tái tạo hình môi	x	x		
339	Phẫu thuật thẩm mỹ làm dày môi	x	x		
340	Phẫu thuật thẩm mỹ làm mỏng môi	x	x		
341	Phẫu thuật thẩm mỹ làm to cằm nhỏ, lẹm	x	x		
342	Phẫu thuật thẩm mỹ thu nhỏ cằm to	x	x		
343	Phẫu thuật thẩm mỹ hút mỡ cằm	x	x		
344	Phẫu thuật thẩm mỹ căng da mặt	x	x		
345	Phẫu thuật lấy sụn vành tai làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
346	Phẫu thuật lấy sụn vách ngăn mũi làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
347	Phẫu thuật lấy sụn sườn làm vật liệu ghép tự thân	x	x		
348	Phẫu thuật mở lại hốc mỗ cầm máu sau phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt cổ	x	x		
349	Phẫu thuật mở lại hốc mỗ điều trị tụ dịch sau phẫu thuật thẩm mỹ vùng mặt cổ	x	x		
350	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật da	x	x		
351	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng vật liệu ghép tự thân	x	x		
352	Phẫu thuật tạo hình vành tai bằng sụn sườn	x	x		
353	Phẫu thuật tạo hình toàn bộ vành tai bằng vật liệu ghép tổng hợp	x	x		
354	Phẫu thuật tạo hình khuyết bộ phận vành tai bằng vật liệu ghép tự thân/vật liệu ghép tổng hợp	x	x		
355	Phẫu thuật chỉnh hình thu nhỏ vành tai	x	x		
356	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai cup	x	x		
357	Phẫu thuật chỉnh hình vành tai vùi	x	x		

Tai - Mũi - Họng

(Xem tiếp Công báo số 63 + 64)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 080.44946 – 080.44417

Fax: 080.44517

Email: congbao@chinhphu.vn

Website: <http://congbao.chinhphu.vn>

In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng